

**NGÂN HÀNG TMCP
KIÊN LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 345/NHKL

Rạch Giá, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán.**

Công ty: Ngân hàng TMCP Kiên Long

Mã chứng khoán: KLB

Trụ sở chính: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: 0297 3869 950 Fax: 0297 3877 538

Người thực hiện công bố thông tin: TRẦN NGỌC MINH

Địa chỉ: CT2 Chung cư C14 Bộ Công An, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: Di động 0945 69 6998; Cơ quan: 0297 3869 950

Fax: 0297 3877 538

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên Ngân hàng TMCP Kiên Long năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Kienlongbank vào ngày 20/4/2022 tại đường dẫn <https://kienlongbank.com/bao-cao-thuong-nien>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *fr*

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN *fr*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. HCQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Minh

KienlongBank 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



DANH MỤC VIẾT TẮT

KienlongBank	Ngân hàng TMCP Kiên Long
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BHD	Ban Điều hành
TGD	Tổng Giám đốc
GD	Giám đốc
GDKV	Giám đốc Khu vực
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
KBA	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long
NHNN Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
CBNV	cán bộ, nhân viên
CTV	cộng tác viên

MỤC LỤC

1	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
2	KIENLONGBANK BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN SỐ	11
3	DẤU ẤN NĂM 2021	36
4	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	44
5	SỐ HÓA VÀ THÀNH CÔNG	53
6	KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022	69
7	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021	73
8	MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH	138

Lời Ngỏ

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với xu hướng số hóa toàn cầu và sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 đã tạo ra những tác động to lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, ở tất cả các lĩnh vực. Tại Việt Nam, hàng loạt các chương trình, chính sách được Chính phủ ban hành đều đang tạo thế và lực giúp các ngân hàng nhanh chóng thích ứng, làm chủ thời cuộc. Chuyển đổi số đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ và trở thành xu thế tất yếu mở ra "cánh cửa mới" giúp các tổ chức tài chính dễ dàng tiếp cận với khách hàng tiềm năng.

Nằm trong chiến lược đổi mới, "số hóa" được KienlongBank xác định là mục tiêu phát triển trong giai đoạn này. "Change Up To 4.0 Digi-Era - Bứt phá kỷ nguyên số" được xem như cột mốc đánh dấu chặng khởi động cho lộ trình chuyển đổi số với những đột phá công nghệ trong năm 2021 được KienlongBank đầu tư, liên kết cùng các đối tác để phát triển.

Mục tiêu của Ngân hàng là mang đến trải nghiệm " cá nhân hóa hoàn hảo" cho người dùng cuối, sự hài lòng của mọi khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông.

Lấy công nghệ làm chủ đạo trên nền tảng tối ưu hoá nhu cầu khách hàng, chiếm ưu thế nổi bật so với thị trường thông qua việc tăng cường liên kết, hợp tác với những đối tác chiến lược lớn, KienlongBank đặt mục tiêu trong vòng 5 năm tới sẽ trở thành "Ngân hàng số" toàn diện, hiện đại và thân thiện tại Việt Nam.

Thông điệp

từ Chủ tịch HĐQT

Thân gửi Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác!

Năm 2021 đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường đã tiếp tục tác động sâu rộng tới mọi lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội nói chung và ngành ngân hàng nói riêng.

Với sự điều hành chính sách vĩ mô của NHNN Việt Nam, sự chỉ đạo kịp thời của Ban Lãnh đạo, sự ủng hộ của Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông, cùng sự nỗ lực của hơn 5.000 CBNV, CTV đã giúp KienlongBank vượt lên vượt qua thử thách, tạo nhiều dấu ấn mang tính bước ngoặt, đồng hành và chia sẻ với khách hàng và doanh nghiệp.

2021 - VƯỢT SÓNG

Năm 2021, làn sóng dịch bệnh liên tiếp bùng phát ở cả trong và ngoài nước gây ảnh hưởng tới sự sống còn đối với cộng đồng doanh nghiệp, kéo theo tác động liên hoàn tới mọi mặt đời sống xã hội, dân sinh...

Nhưng trong thử thách luôn hé mở cơ hội. 2021 cũng là năm ghi nhận dấu ấn với nhiều quyết sách chưa từng có nhằm kiểm soát dịch bệnh và vực dậy nền kinh tế của Chính phủ, cũng như nỗ lực vượt khó của mỗi cá nhân, doanh nghiệp. Trong tâm thế "vững tay chèo, vượt sóng cả", qua cơn sóng dữ mới thấy được bản lĩnh của người lái thuyền, KienlongBank đã vững vàng đương đầu với khó khăn, thức thách. Ngay từ đầu năm 2021, Ban Lãnh đạo Ngân hàng đã chủ động, linh hoạt đưa ra các giải pháp nhằm củng cố an toàn hoạt động ngân hàng, phát triển - tăng trưởng bền vững.

Dấu ấn nổi bật của KienlongBank trong năm 2021 là những chuyển biến mang tính đột phá, tích cực. Đồng hành cùng Chính phủ trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đến cuối năm 2021, KienlongBank đã hỗ trợ cho hơn 66.000 khách hàng với dư nợ đạt 14.400 tỷ đồng. Song hành công tác hỗ trợ khách hàng như giảm lãi suất vay vốn, hỗ trợ cơ cấu nợ vay khách hàng khó khăn do dịch Covid-19 theo chủ trương của Chính phủ và NHNN, KienlongBank còn triển khai các chương trình miễn toàn bộ phí giao dịch chuyển tiền cho khách hàng; miễn, giảm phí dịch vụ và áp dụng mức lãi suất ưu đãi...

Tính đến ngày 31/12/2021, tổng tài sản tăng hơn 46% so với đầu năm lên mức 83.822 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất lần đầu tiên vượt mốc 1.000 tỷ đồng, cao gấp 6 lần so với năm 2020. Tổng nguồn vốn huy động trong năm 2021 đạt 77.528 tỷ đồng. Thu hút tiền gửi không kỳ hạn tăng trưởng đột phá gấp 5.4 lần so với 2020, chiếm tỷ trọng 15,38% tiền gửi khách hàng.

Ngân hàng cũng đã xử lý dứt điểm các khoản nợ theo Phương án cơ cấu lại KienlongBank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020, góp phần mang lại nguồn lợi nhuận lớn cho Ngân hàng trong năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu toàn hàng giảm còn 1.2%. Kết quả kinh doanh khả quan trong tình hình thị trường đầy biến động và khó khăn thách thức là minh chứng cho tầm nhìn và lựa chọn sáng suốt cho quá trình chuyển đổi số tại KienlongBank.

Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Thu Hằng

Xác định chuyển đổi số là hướng đi chiến lược nhằm cạnh tranh hiệu quả và phát triển bền vững trong kỷ nguyên 4.0, năm 2021 cũng là năm bản lề tăng tốc đưa KienlongBank trở thành Ngân hàng chuyển đổi số toàn diện, thân thiện trong 5 năm tới. KienlongBank đã và đang không ngừng nghiên cứu và ra mắt nhiều sản phẩm dịch vụ đáp ứng trải nghiệm cá nhân hóa hoàn hảo cho người dùng. Nằm trong chiến lược Chuyển đổi Số và Số hóa nền tảng ngân hàng, KienlongBank đã chính thức ra mắt ứng dụng KienlongBank Plus - Trải nghiệm Ngân hàng số tiện ích hiện đại, đa tính năng: Tạo tài khoản bằng eKYC; mở thẻ, rút tiền, nhận tiền... tiện lợi thông qua mã QR; tối ưu dịch vụ hỗ trợ khách hàng với KLB Support. Ra mắt hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới STM đóng vai trò như một giao dịch viên điện tử, thay thế đầy đủ các chức năng của quầy giao dịch truyền thống.

Cùng sự đổi mới không ngừng, KienlongBank đã có sự phát triển lớn mạnh với mạng lưới rộng khắp trên toàn quốc. Trong năm 2021, KienlongBank mở thêm 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và TP.HCM, kết nối với hệ thống 134 CN, PGD đang hoạt động trên cả nước, hiện thực hóa mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng hiện đại.

Với nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, KienlongBank đã được thị trường, các tổ chức uy tín ghi nhận. Trong năm 2021, KienlongBank đã xuất sắc được vinh danh trong bảng xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2021 và TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

Những thành quả to lớn trên là kết quả của định hướng chiến lược đồng bộ, nhất quán và bản lĩnh của Ban lãnh đạo KienlongBank đến tinh thần đoàn kết đồng lòng toàn thể CBNV, CTV toàn hệ thống; sự tin tưởng, hợp tác, gắn bó bền chặt của Quý khách hàng, hàng vạn Quý cổ đông. Đây là động lực lớn để KienlongBank có những bước đi vững chãi và mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2022.

2022 – TĂNG TỐC ĐỂ BỨT PHÁ

Bước sang năm 2022, bức tranh kinh tế đã dần sáng sủa hơn khi dịch bệnh được từng bước kiểm soát. Ban lãnh đạo KienlongBank xác định đây là giai đoạn tăng tốc để bứt phá, quyết liệt triển khai các chiến lược và giải

pháp phù hợp trong giai đoạn mới, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng tầm vị thế của KienlongBank tương xứng với bề dày truyền thống của Ngân hàng.

Những mục tiêu kinh doanh tham vọng hơn và những bài toán nghiệp vụ nhiều thách thức mà KienlongBank đặt ra cho năm 2022 bao gồm chuyển đổi số, hoàn thiện trải nghiệm khách hàng đa nền tảng, mở rộng quy mô kinh doanh trên hệ thống với mạng lưới phòng giao dịch "All in One" và nền tảng ngân hàng số...

Đặt lợi ích của Quý cổ đông, Quý khách hàng lên hàng đầu, HĐQT, BDH cùng tập thể CBNV KienlongBank quyết tâm thực hiện thành công các mục tiêu, mang lại giá trị thịnh vượng, hạnh phúc cho cổ đông và khách hàng, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn những đóng góp và ủng hộ quý báu của lãnh đạo NHNN Việt Nam, NHNN - Chi nhánh tỉnh Kiên Giang và các chi nhánh tỉnh, thành, các cấp lãnh đạo, cơ quan ban, ngành và đặc biệt là sự tin tưởng, ủng hộ của Quý khách hàng, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông.

Với sức mạnh nội tại, tôi tin tưởng rằng toàn hệ thống KienlongBank sẽ tiếp tục nỗ lực, tập trung mọi nguồn lực, đón bắt cơ hội, cùng đoàn kết đồng lòng hoàn thành mọi kế hoạch và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đặt ra, tạo dựng thành công trong năm 2022 và giai đoạn tiếp theo.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Thu Hằng



“

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, KienlongBank vinh dự và tự hào khi mỗi bước đi của Ngân hàng đều nhận được sự tin tưởng, đồng hành hợp tác từ các cổ đông, nhà đầu tư, sự yêu mến ủng hộ của khách hàng và sự nỗ lực, đồng lòng của toàn thể CBNV, CTV. Chính những điều đó đã tạo nên sức mạnh và nền tảng vững chắc để KienlongBank vượt qua mọi thử thách, vươn lên bứt phá thành công.

”





GIỚI THIỆU CHUNG

❖ Tên đầy đủ	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long
❖ Tên giao dịch quốc tế	Kien Long Commercial Joint - Stock Bank
❖ Tên gọi tắt	KienlongBank
❖ Mã giao dịch Swift	KLBKVNXX
❖ Chủ tịch HĐQT	Bà Trần Thị Thu Hằng
❖ Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Minh
❖ Mã số thuế	1700197787
❖ Công ty kiểm toán	Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn A&C
❖ Website	www.kienlongbank.com

- Ngày 27/10/1995, Ngân hàng Kiên Long chính thức đi vào hoạt động.
- Giấy phép thành lập: Số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 40, ngày 17 tháng 12 năm 2021.
- Ngân hàng có một Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Mạng lưới hoạt động gồm có: Hội sở, 2 Văn phòng Đại diện và 134 Chi nhánh, Phòng Giao dịch trên toàn quốc.
- Hoạt động chính:
 - ❖ Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi.
 - ❖ Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá.
 - ❖ Cung ứng các phương tiện thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối và thực hiện dịch vụ ngân hàng khác.





Tầm nhìn

Trở thành thương hiệu Xanh và phát triển bền vững trong ngành Ngân hàng Việt Nam.



Sứ mệnh

Cung cấp dịch vụ ngân hàng chuyên nghiệp, mang lại giá trị gia tăng với khách hàng, cổ đông; chia sẻ giá trị Xanh và tiên phong tham gia các chương trình, hoạt động Xanh vì lợi ích phát triển cộng đồng tại Việt Nam.



Giá trị cốt lõi

TÂM - TÍN - KIÊN - XANH





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

- Ngày 27/10/1995, KienlongBank được thành lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long. Trụ sở chính đặt tại xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- Vốn điều lệ 1,2 tỷ đồng.
- 10 CBNV.

1996

- KienlongBank là Ngân hàng TMCP đầu tiên tại Kiên Giang thực hiện truyền số liệu kế toán qua mạng điện thoại từ các đơn vị về Hội sở hằng ngày.
- Mở rộng thêm 3 PGD: Số 01, Số 02, Số 03.

2000

- Tăng vốn điều lệ lên 4,5 tỷ đồng.

2006

- KienlongBank chuyển đổi mô hình từ Ngân hàng Nông thôn thành Ngân hàng Đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Được Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong công tác từ năm 2001 đến năm 2005, góp phần vào xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

2007

- Có 6 CN và 14 PGD.
- Tăng vốn điều lệ lên 580 tỷ đồng.
- Nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến 2006.
- Nhận Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Tài chính vì đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2006.

2014

- Triển khai ứng dụng Kienlong Mobile Banking.
- Đưa vào hoạt động website mới: www.kienlongbank.com.
- Gia nhập Hệ thống Visa quốc tế.
- Đạt Chứng nhận 77/1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất năm 2013.
- Đạt Chứng nhận 55/500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013 do Việt Nam Report cấp.
- 3.375 CBNV, CTV.

2015

- Nâng cấp Hệ thống Thẻ với công nghệ tiên tiến của Tập đoàn Sungard tại Mỹ, hoạt động trên phạm vi toàn cầu.
- Triển khai nộp thuế điện tử, thanh toán trực tuyến.
- 27 CN và 76 PGD.
- 3.585 CBNV, CTV.

2016

- 28 CN và 89 PGD.
- Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank Visa và Đại sứ thương hiệu là Ông Henrique Calisto.
- Áp dụng đầu số Hotline mới 1900 6929.
- Hoàn thành Trung tâm dữ liệu và nâng cấp hệ thống Core thẻ.

2017

- Cổ phiếu KienlongBank (Mã chứng khoán KLB) chính thức giao dịch trên sàn UPCoM.
- Ký kết hợp đồng hợp tác với tổ chức Thẻ quốc tế JCB.
- Mở rộng kênh thanh toán dịch vụ Internet Banking.
- Triển khai dịch vụ thu thuế điện tử kết nối Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.
- 4.113 CBNV, CTV.

2018

- Tăng vốn điều lệ lên 3.236,96 tỷ đồng.
- 31 CN và 103 PGD.
- Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank JCB.
- Ký kết thỏa thuận hợp tác tư vấn triển khai Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN với Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG.

2019

- Ký kết phân phối sản phẩm bảo hiểm với Công ty AIA Việt Nam.
- Phát hành thẻ ghi nợ quốc tế KienlongBank JCB/ Visa.
- Tất toán trước hạn toàn bộ trái phiếu VAMC.
- Top 100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam (Ngân hàng thứ 22) do Forbes Việt Nam bình chọn.
- Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Profit 500) 3 năm liền: 2017, 2018 và 2019.

2020

- Tiếp tục đứng trong bảng xếp hạng Top VNR500, Top FAST500 và Top PROFIT500.
- Được vinh danh "Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng".
- Đạt giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về phát hành thẻ tín dụng JCB.
- Hoàn thành Dự án tư vấn đánh giá hệ thống công nghệ thông tin.
- Nâng cấp thẻ từ lên thẻ chip VCCS với Napas.

2021

- Tăng vốn điều lệ lên 3.652,81 tỷ đồng.
- Kỷ niệm 26 năm thành lập và ra mắt Logo, Bộ nhận diện thương hiệu mới.
- Lần đầu tiên đưa vào hoạt động hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới STM.
- Ra mắt ứng dụng Mobile Banking mới - KienlongBank Plus.

KienlongBank

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trải qua 27 năm hình thành và phát triển, KienlongBank đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng danh giá từ các cơ quan, ban, ngành ghi nhận những nỗ lực không ngừng của Ngân hàng.

2008
HUÂN CHƯƠNG
LAO ĐỘNG HẠNG 3

2006-2008
BẰNG KHEN CỦA
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

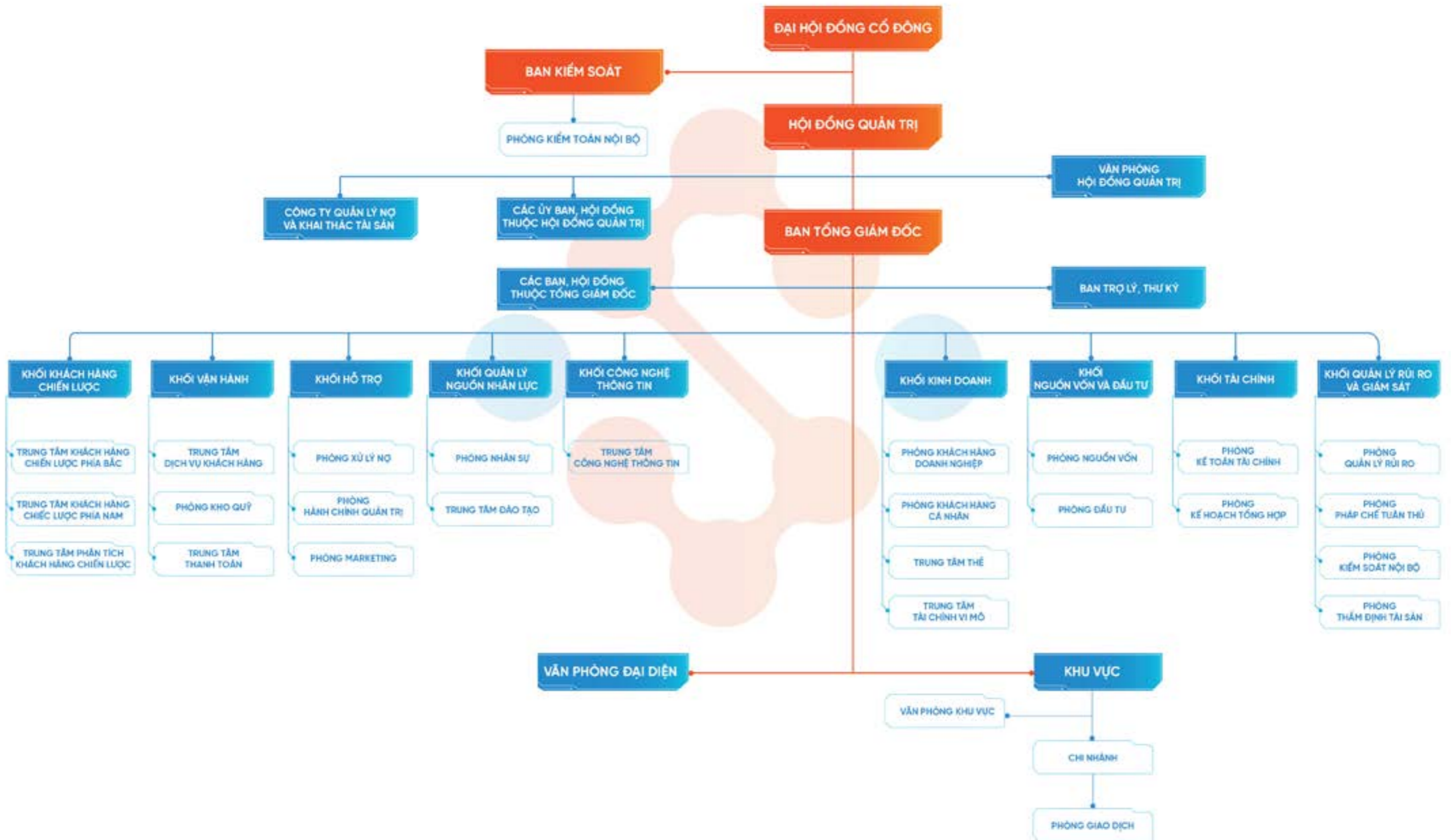
2009
BẰNG KHEN CỦA
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2016
BẰNG KHEN CỦA
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
BẰNG KHEN CỦA
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

2020
GIẢI THƯỞNG NGÂN HÀNG
TIÊU BIỂU VÌ CỘNG ĐỒNG

2020-2021
GIẢI THƯỞNG NGÂN HÀNG
DẪN ĐẦU SỐ LƯỢNG
THẺ GHI NỢ ĐANG LƯU HÀNH
TOP 500 DOANH NGHIỆP
TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM







Bà Trần Thị Thu Hằng

- **Chức vụ:** Chủ tịch HĐQT
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1985
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Bà Trần Thị Thu Hằng có hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, giai đoạn 2011-2018, bà trải qua một số vị trí quản lý ở LienVietPostBank và MSB. Bà còn từng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại Tập đoàn lớn.
- Từ ngày 28/01/2021 đến ngày 31/01/2021, Bà giữ chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank. Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 01/02/2021 đến ngày 02/5/2021. Từ ngày 03/5/2021 đến hết ngày 25/5/2021, Bà giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách hoạt động HĐQT KienlongBank. Bà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT KienlongBank kể từ ngày 26/5/2021.



Ông Mai Hữu Tín

- **Chức vụ:** Phó Chủ tịch HĐQT
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1969
- **Trình độ chuyên môn:** Tiến sĩ Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Nam California (Mỹ).
- Hiện Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc U&I Group, Thành viên Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân của Chính phủ, Chủ tịch Liên đoàn Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, Chủ tịch Liên đoàn Vovinam Thế giới, Chủ tịch Liên đoàn Vovinam Việt Nam.
- Ông là Thành viên độc lập HĐQT KienlongBank kể từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2018. Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 26/4/2018 đến nay.



Ông Phạm Trần Duy Huyền

- **Chức vụ:** Phó Chủ tịch HĐQT
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1979
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Ông đã từng phụ trách công việc Kế toán, Kế toán trưởng, Trưởng phòng đầu tư tài chính, Trưởng phòng tài chính, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên HĐQT của các công ty trong và ngoài nước tại Việt Nam, Trợ lý Chủ tịch HĐQT KienlongBank.
- Ông là Thành viên HĐQT KienlongBank kể từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2018. Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 26/4/2018 đến nay.



Ông Trần Ngọc Minh

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT, kiêm TGD
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1984
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng.
- Ông từng nắm giữ các vị trí quản lý tại ngân hàng (Phó Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh, Trưởng Phòng Thẩm định Hội sở), Phụ trách Tài chính các Doanh nghiệp/Tập đoàn lớn (Giám đốc Nguồn vốn, Trưởng Ban Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính).
- Ông gia nhập và đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 07/01/2021. Trong giai đoạn từ ngày 15/10/2021 đến ngày 08/12/2021, Ông được bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank. Từ ngày 09/12/2021, Ông chính thức đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc KienlongBank. Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.





Bà Trần Tuấn Anh

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1976
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính – Tín dụng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Luật - Chuyên ngành Luật kinh tế - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
- Bà từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Phòng Dịch vụ Địa ốc, Trưởng Ban Pháp chế của Ngân hàng Phát triển TP. Hồ Chí Minh; Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Pháp chế, Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Từ ngày 02/7/2014 đến ngày 23/02/2018, Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank. Ngày 24/02/2018, Bà đảm nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank. Từ ngày 23/4/2018 đến ngày 14/10/2021, Bà đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc KienlongBank. Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank từ ngày 26/4/2018 đến nay.

Ông Bùi Thanh Hải

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1975
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Thê thẩm định viên về giá của Bộ Tài chính.
- Ông từng nắm giữ các vị trí Giám đốc, Thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp trong nước. Từ tháng 10/2012 đến tháng 3/2013, ông đảm nhiệm Phó Phòng Pháp chế và Xử lý nợ KienlongBank.
- Từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2019, ông là Thành viên HĐQT KienlongBank. Từ tháng 4/2014 đến tháng 01/2018, ông là Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank. Từ tháng 2/2018 đến nay, ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank. Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank từ ngày 28/12/2018 đến nay.

Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1976
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh, Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Quản trị điều hành cao cấp - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Bà từng làm việc tại Công ty liên doanh Gạch CeramicDotalia và hoạt động đầu tư kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác.
- Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank từ tháng 4/2014 đến nay.
- Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank từ tháng 4/2014 đến nay.

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- **Chức vụ:** Thành viên độc lập HĐQT
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1983
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Delaware State University, Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân Ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại Ngữ.
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế. Bà từng giữ vị trí Trưởng ban Tài chính Tập đoàn Geleximco; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội; Chủ tịch HĐQT công ty quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình. Bà đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc trong các công ty, Tập đoàn BĐS lớn tại Việt Nam.
- Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên độc lập HĐQT KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.



Ông Lê Khắc Gia Bảo

- **Chức vụ:** Trưởng Ban kiểm soát
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1979
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Southern California University for Professional Studies. Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Chứng chỉ Kiểm toán viên Bộ Tài chính.
- Ông có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng. Ông từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán – Kiểm soát tuân thủ Miền Nam Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank).
- Từ tháng 3/2013 đến tháng 4/2018 Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank.
- Từ tháng 4/2018 đến tháng 01/2021 Chủ tịch Hội đồng quản trị KienlongBank.
- Từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021 Thành viên Hội đồng quản trị KienlongBank.
- Ông đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/01/2022.
- Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 01/01/2022 đến nay.



Ông Nguyễn Cao Cường

- **Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1985
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Ông từng đảm nhiệm các chức vụ Giám đốc Kiểm tra Miền Nam tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Từ tháng 8/2015, Ông giữ chức vụ Trưởng Kiểm toán nội bộ KienlongBank. Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank từ ngày 26/4/2018 đến ngày 01/01/2022. Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank từ ngày 01/01/2022 đến nay.



Ông Đặng Minh Quân

- **Chức vụ:** Thành viên Ban kiểm soát
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1980
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kinh tế trường Đại học Cần Thơ, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Cử nhân Luật học trường Đại học Huế.
- Ông đã từng là Thanh tra viên tài chính cấp 1, Giám định viên tài chính – kế toán, Phó Trưởng phòng quản lý ngân sách. Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank tháng 4/2014 đến nay.



Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh

- **Chức vụ:** Thành viên Ban kiểm soát
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1981
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Bà có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng. Bà từng đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng Phòng Kế hoạch và QLDN Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ - Khối Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu. Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji.
- Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.



Bà Vũ Hạnh Ngân

- **Chức vụ:** Thành viên Ban kiểm soát
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1994
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính – Ngân hàng trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, Chartered Financial Analyst (CFA®).
- Bà từng làm Trưởng Nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, bà từng tham gia kiểm toán đối với nhiều tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, định chế tài chính lớn trong và ngoài nước. Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.



Ông Trần Ngọc Minh

- **Chức vụ:** Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật của KienlongBank.
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1984
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng.
- Ông từng nắm giữ các vị trí quản lý tại ngân hàng (Phó Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh, Trưởng Phòng Thẩm định Hội sở), Phụ trách Tài chính các Doanh nghiệp/ Tập đoàn lớn (Giám đốc Nguồn vốn, Trưởng Ban Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính).
- Ông gia nhập và đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 07/01/2021. Trong giai đoạn từ ngày 15/10/2021 đến ngày 08/12/2021, Ông được bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank. Từ ngày 09/12/2021, Ông chính thức đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc KienlongBank. Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.



Ông Đỗ Anh Tuấn

- **Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1975
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hiện tại, ông là Chủ tịch HĐQT của các Tập đoàn lớn trong các lĩnh vực Bất động sản, Tài chính, Công nghệ. Trước đó, ông từng có nhiều năm công tác tại Ban Khen thưởng Trung ương trong vai trò Trưởng phòng Công nghệ Thông tin.
- Ông chính thức đảm nhận chức Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 9/2021.



Ông Lê Trung Việt

- **Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1966
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế ngành Ngân hàng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- Ông từng là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Tháng 12/2012, Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank. Tháng 12/2013, Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank kiêm Giám đốc Phòng Đầu tư. Từ ngày 26/4/2018 đến tháng 01/2021, Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc KienlongBank. Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/01/2021 đến nay.



Ông Nguyễn Hoàng An

- **Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1967
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Ngân hàng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- Ông từng là Giám đốc Phòng Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Trợ lý Chủ Tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc KienlongBank kiêm Giám đốc Chi nhánh. Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 10/2016 đến nay.



Bà Phạm Thị Mỹ Chi



- **Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1964
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Ngân hàng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- Bà từng là Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt. Bà được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Phòng Kế toán - Tài chính của KienlongBank từ ngày 02/7/2014. Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng, kiêm Giám đốc Phòng Kế toán - Tài chính KienlongBank từ ngày 01/7/2018 đến nay.

Ông Nguyễn Văn Minh



- **Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1977
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân điện tử viễn thông, trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng thiết kế và xây dựng nhiều dự án phần mềm cho các tổ chức, cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chức vụ đảm nhiệm gần nhất là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH SSF Investment. Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin KienlongBank từ ngày 07/01/2021 đến ngày 30/5/2021. Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 31/5/2021 đến nay.

Ông Võ Quốc Lợi



- **Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Năm sinh:** 1988
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ quản trị kinh doanh, trường London Business School (Vương quốc Anh).
- Ông có hơn 9 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng. Chức vụ đảm nhiệm gần nhất là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đồng Tâm miền Trung, Chủ tịch HĐQT Trường trung cấp Việt – Nhật (Trực thuộc công ty TNHH Yamato). Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 07/01/2021, và thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 12/4/2022.





Tên tiếng Việt	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long
Tên tiếng Anh	KienlongBank Asset Management Company
Tên viết tắt	Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Kiên Long
Trụ sở chính	Tầng 6, Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, T. Kiên Giang
Điện thoại	(0297) 386 9950
Email	kba@kienlongbank.com
Mã số thuế	1701452905
Vốn điều lệ	500 tỷ đồng

Lĩnh vực hoạt động

- Cung cấp dịch vụ tư vấn giá bất động sản cho khách hàng vay tại KienlongBank.
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho hàng phục vụ khách hàng vay thế chấp tài sản bảo đảm là hàng hóa tại KienlongBank và các đối tượng khách hàng khác.
- Với tập thể gần 200 CBNV trẻ, năng động và nhiệt huyết được bố trí làm việc trực tiếp tại các chi nhánh và phòng giao dịch trực thuộc KienlongBank, KBA đã hoàn thành tốt công tác tư vấn giá trị tài sản bảo đảm là bất động sản cho các chi nhánh và phòng giao dịch KienlongBank trên toàn quốc. Năm 2021, KBA đã thực hiện tư vấn giá thành công 56.484 tài sản cho khách hàng vay tại KienlongBank.
- Với hệ thống nhà xưởng cho thuê được đầu tư hiện đại, chuyên nghiệp đã góp phần bảo vệ an toàn, hạn chế rủi ro cho hàng hóa là tài sản bảo đảm của khách hàng vay tại KienlongBank.
- Định hướng hoạt động trong năm 2022, KBA tập trung vào công tác đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá cho đội ngũ nhân viên, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn giá nhằm thu hút khách hàng sử dụng tài chính của KienlongBank; cải tiến hệ thống phần mềm định giá tài sản; triển khai hoạt động hỗ trợ công tác xử lý nợ ở giai đoạn xử lý tài sản đảm bảo; và tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống kho hàng cho thuê.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỉ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	2.726	365.243.713	99,99
	Tổ chức	12	87.315.282	23,90
	Cá nhân	2.713	247.128.431	75,05
2	Nước ngoài	9	38.165	0,01
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	9	38.165	0,01
Tổng cộng		2.735	365.281.878	100,00



DẤU ẤN NĂM 2021



1 LỢI NHUẬN CỦA KIENTLONGBANK LẦN ĐẦU VƯỢT MỐC 1.000 TỶ ĐỒNG

Thông qua việc đẩy mạnh các giải pháp phát triển kinh doanh, dựa vào lợi thế và tiềm năng sẵn có để mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, đẩy mạnh phát triển ngân hàng số, hoạt động kinh doanh của KienlongBank năm 2021 đạt kết quả ấn tượng.

Lần đầu tiên trong 26 năm hoạt động, lợi nhuận của KienlongBank vượt mốc 1.000 tỷ đồng.

2 KIENTLONGBANK MỞ RỘNG HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI CÁC TẬP ĐOÀN, ĐỐI TÁC HÀNG ĐẦU TRÊN THẾ GIỚI CHUYỂN ĐỔI DIGITAL CORE-BANKING

Tháng 12/2021, KienlongBank đã tiến hành ký kết hợp tác chiến lược với Công ty TNHH Oracle Việt Nam (Oracle Việt Nam) trong việc chuyển đổi Digital Core-banking. Theo thỏa thuận, Oracle sẽ cung cấp dịch vụ triển khai Ngân hàng đa năng Oracle FLEXCUBE - phiên bản mới nhất trong dòng sản phẩm phục vụ ngân hàng cho KienlongBank.

Việc ký kết hợp tác là dấu mốc quan trọng, được Ban Lãnh đạo KienlongBank đặt nhiều kỳ vọng, hứa hẹn tạo nên bước chuyển biến lớn trong hoạt động, thể hiện sức mạnh công nghệ, quyết định tính đa dạng của sản phẩm, khả năng mở rộng mạng lưới kinh doanh, đa dạng hóa kênh dịch vụ của Ngân hàng.

3 KIENTLONGBANK KỶ NIỆM 26 NĂM THÀNH LẬP VÀ RA MẮT LOGO, BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI

Ngày 30/10/2021, KienlongBank chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới tại sự kiện trực tuyến "Change Up To 4.0 Digi-Era - Bứt phá kỷ nguyên số". Đây cũng là sự kiện đánh dấu mốc 26 năm hình thành và phát triển của Ngân hàng (27/10/1995 - 27/10/2021).

Hệ thống nhận diện thương hiệu mới thể hiện KienlongBank năm trong kế hoạch nâng tầm thương hiệu, thay đổi để phù hợp với chặng đường mới và mục tiêu chiến lược bứt phá của KienlongBank trong tương lai. Theo đó, KienlongBank sẽ trở thành đối tác tài chính tin cậy của khách hàng thông qua các giải pháp tài chính linh hoạt, bản lĩnh hành động, năng lực đổi mới và kiến tạo nên hệ sinh thái kết nối giá trị dựa trên nền tảng số tiên tiến; góp phần thay đổi nhận thức xã hội về dịch vụ tài chính, ngân hàng.

Đồng thời, KienlongBank đặt mục tiêu trở thành ngân hàng số hiện đại và thân thiện trong 5 năm tới, mang đến cho khách hàng hệ sinh thái các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số đa dạng.

KienlongBank



4 KIENLONGBANK TRIỂN KHAI PHÁT HÀNH THẺ GI NỘ NỘI ĐỊA UNI CARD

Nhằm tăng thêm sự lựa chọn cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ thẻ, tối ưu hóa trải nghiệm các dịch vụ ngân hàng, tiết kiệm thời gian và chi phí giao dịch, từ ngày 1/11/2021, KienlongBank đã triển khai phát hành thêm thẻ ghi nợ nội địa Uni Card.

Với thiết kế thẻ dọc mang phong cách hiện đại, trẻ trung và năng động, Uni Card là loại thẻ có hai quyền chọn cho khách hàng về phát hành thẻ vật lý (thẻ cứng) hoặc phi vật lý (thẻ ảo), đồng thời cũng là loại thẻ duy nhất của KienlongBank hiện nay được phát hành trực tiếp ngay tại máy giao dịch tự động thế hệ mới (STM) chỉ trong vòng 05 phút.

Việc phát hành thẻ ghi nợ nội địa Uni Card với nhiều hình thức linh hoạt sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, đồng thời, cũng nằm trong lộ trình chuyển đổi số của KienlongBank với những bước đi đột phá về công nghệ.



5 ỨNG DỤNG KIENLONGBANK PLUS - TRẢI NGHIỆM NGÂN HÀNG SỐ TIỆN ÍCH, HIỆN ĐẠI

Với mong muốn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính với nhiều tiện ích, an toàn và hiệu quả, KienlongBank đã ra mắt ứng dụng Mobile Banking mới - KienlongBank Plus.

Sở hữu nhiều tính năng và tiện ích vượt trội, KienlongBank Plus hứa hẹn mang đến cho người dùng những trải nghiệm đặc biệt và mới mẻ, lần đầu tiên triển khai tại KienlongBank: đăng ký và tạo tài khoản bằng eKYC; tính năng lên lịch chuyển tiền; theo dõi chi tiết tài khoản tiết kiệm tại quầy và chuyển tiền đến tài khoản; mã QR giúp khách hàng có thể thực hiện Mở thẻ, Rút tiền... chỉ với 1 lần quét mã; sử dụng mã QR để rút tiền trên máy ATM mà không cần sử dụng thẻ. Đặc biệt, tính năng KLB Support còn cho phép hỗ trợ và tư vấn tối đa nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng cho khách hàng ngay trên ứng dụng.



6 KIENLONGBANK RA MẮT HỆ THỐNG MÁY GIAO DỊCH TỰ ĐỘNG THẾ HỆ MỚI STM

Từ ngày 05/7/2021, KienlongBank chính thức đưa vào hoạt động hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới STM (Smart Teller Machine). Đây là hệ thống máy giao dịch thế hệ mới có giao diện đơn giản, thân thiện, tích hợp nhiều công nghệ hiện đại giúp khách hàng dễ dàng thao tác hầu hết các giao dịch một cách chủ động, hoàn toàn miễn phí. Bên cạnh việc thực hiện được các tính năng của máy ATM thông thường như: rút tiền mặt, chuyển khoản trong hệ thống, truy vấn số dư tài khoản, sao kê giao dịch,... máy STM còn đóng vai trò như một "giao dịch viên điện tử" khi được tích hợp và cho phép khách hàng thực hiện tính năng mới: nộp tiền mặt trực tiếp vào tài khoản ngân hàng. Máy STM hiện đại bậc nhất sẽ giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian thay vì thực hiện các giao dịch tại quầy giao dịch như trước đây.



7 KIENLONGBANK HOÀN THÀNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 3.653 TỶ ĐỒNG

Được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, năm 2021 KienlongBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ nguồn chia cổ tức năm 2020. Theo đó, KienlongBank tăng vốn điều lệ thêm 415.864.530.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 13%. Sau khi phát hành thành công, vốn điều lệ của KienlongBank tăng lên 3.653 tỷ đồng



8 KIENLONGBANK - SUNSHINE GROUP - JCB: RA MẮT THẺ TÍN DỤNG ĐỒNG THƯƠNG HIỆU VỚI TÍNH NĂNG VƯỢT TRỘI VÀ ĐẶC QUYỀN ƯU ĐÃI

Từ tháng 11/2021, KienlongBank hợp tác cùng Sunshine Group và tổ chức thẻ quốc tế JCB phát hành thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu KienlongBank - Sunshine Group - JCB (KLB - SSG - JCB) với tính năng vượt trội và nhiều đặc quyền ưu đãi.

Dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, tối ưu hóa sự hợp tác giữa các đối tác liên kết, KienlongBank mong muốn thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu KLB - SSG - JCB sẽ mang đến giá trị và lợi ích thiết thực, giúp khách hàng có thêm sự lựa chọn các giải pháp tài chính tiện lợi, an toàn và tiết kiệm chi phí; tận hưởng cuộc sống văn minh, hiện đại trong sinh hoạt, chi tiêu như: du lịch, thời trang, làm đẹp, mua sắm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, thể thao, bảo hiểm, đầu tư,...

KienlongBank



9 KIENLONGBANK KHAI TRƯƠNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

Tháng 11/2021, KienlongBank đã chính thức khai trương văn phòng đại diện tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, đánh dấu một mốc son mới trên chặng đường 26 năm phát triển, đồng thời thể hiện quyết tâm mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của KienlongBank.

Đặc biệt, việc thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội chính là một bước đi quan trọng trong chiến lược mở rộng địa bàn hoạt động tại miền Bắc của KienlongBank, mang đến lợi ích cho việc thúc đẩy tiếp thị, mở rộng các khách hàng, đưa thương hiệu và sản phẩm, dịch vụ của KienlongBank đến gần hơn với khách hàng khu vực phía Bắc. Đây có thể coi là một trong những nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hiện thực hóa mục tiêu trở thành Ngân hàng số hiện đại và thân thiện nhất Việt Nam của KienlongBank.

10 KIENLONGBANK ĐƯỢC VINH DANH TRONG BẢNG XẾP HẠNG TOP VNR500, TOP FAST500 VÀ TOP PROFIT500

Tại "Lễ công bố Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2021" được tổ chức ở Hà Nội vào đầu năm 2022, KienlongBank tiếp tục được vinh danh trong bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất (VNR500), Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST500) và Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500).

Đây là năm thứ 15 liên tiếp Bảng xếp hạng VNR500 được nghiên cứu và công bố nhằm tôn vinh những doanh nghiệp có quy mô lớn nhất Việt Nam, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Vietnam Report phối hợp cùng Báo Vietnamnet. 500 doanh nghiệp được vinh danh trong buổi lễ là những đại diện đã có kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng, đạt khả năng sinh lời tốt, có tiềm năng trở thành những trụ cột cho sự phát triển tương lai của nền kinh tế Việt Nam.

KienlongBank

BỨT PHÁ KỶ NGUYÊN SỐ



2021



KienlongBank



“

Năm 2021, chuyển đổi số là mục tiêu trọng tâm được KienlongBank thực hiện trong bối cảnh với vô vàn khó khăn, thử thách. Lựa chọn thể chủ động, linh hoạt thích ứng KienlongBank ững vàng “vượt sóng”, nắm bắt cơ hội tăng trưởng - gặt hái thành công! Chuyển mình trong công cuộc số hóa đã đem lại những dấu ấn đặc biệt cho KienlongBank,...

”

KHÁT VỌNG ○
VƯƠN XA ○



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục bùng phát, đã gây ảnh hưởng sâu rộng tới nền kinh tế và đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, KienlongBank cũng phải đối mặt với nhiều thử thách, tuy nhiên với những quyết sách nhanh chóng, đúng đắn, linh hoạt ứng phó trước tác động tiêu cực của dịch bệnh, KienlongBank đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu "kép" đảm bảo phòng chống dịch bệnh; hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu đã được ĐHĐCĐ thông qua, tối đa hóa giá trị lợi ích cho khách hàng và toàn thể CBNV, CTV.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khắc phục những khó khăn do tác động từ dịch bệnh Covid-19 tới tình hình kinh tế - xã hội nói chung, năm 2021 KienlongBank đã nỗ lực triển khai toàn diện các giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động và đạt được kết quả kinh doanh vượt trội so với năm 2020. Hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh đều đạt và vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao:



- KienlongBank cũng chú trọng việc tuân thủ các giới hạn và đảm bảo tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng. HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo BDH tuân thủ các quy định của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất luôn được duy trì ở mức trên 10%.
- Công tác xử lý nợ được đẩy mạnh, năm 2021, Ngân hàng đã xử lý và thu hồi các khoản nợ theo Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 đã được NHNN phê duyệt, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm của KienlongBank.
- Nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi đối với định hướng phát triển của Ngân hàng trong giai đoạn 2021-2025, KienlongBank quan tâm tới việc nâng cao chất lượng nhân sự thông qua các hoạt động như:
 - Tuyển dụng đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm
 - Triển khai các khóa đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ ở các lĩnh vực và cấp độ
 - Điều chỉnh và áp dụng các chính sách lương thưởng và đãi ngộ phù hợp với tình hình thực tế.

- Phát triển bền vững và trách nhiệm đối với xã hội cũng là một trong những nội dung hoạt động được HĐQT quan tâm chỉ đạo triển khai, bám sát giá trị cốt lõi của Ngân hàng:
 - Phấn đấu số hóa hoạt động một cách toàn diện nhằm hạn chế phát thải; phát động các hoạt động vì môi trường với sự tham gia của toàn thể CBNV góp phần xây dựng môi trường làm việc xanh; xây dựng các sản phẩm dịch vụ hướng tới các lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng sạch...
 - Góp phần đẩy lùi dịch bệnh Covid-19 thông qua việc đóng góp ủng hộ Quỹ vaccine theo kêu gọi của Chính phủ và các hoạt động phòng chống dịch bệnh tại địa phương; tham gia các hoạt động thiện nguyện nhằm mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho những người yếu thế, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn...

ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2021, BDH đã bám sát các chủ trương, định hướng của ĐHĐCĐ, HĐQT để nỗ lực tổ chức triển khai các hoạt động, đạt được kết quả kinh doanh vượt trội làm mục tiêu phấn đấu cho các năm tiếp theo.

Trong quá trình hoạt động, BDH thường xuyên báo cáo và xin ý kiến HĐQT nhằm đảm bảo mọi thông tin hoạt động của Ngân hàng công khai, minh bạch và được giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời góp phần nâng cao năng lực quản trị điều hành của HĐQT và BDH.

CÁC ỦY BAN, HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT có các Ủy ban trực thuộc, trong đó bao gồm Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro.

Các Ủy ban trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc giám sát hoạt động của Ngân hàng một cách toàn diện, xây dựng các chính sách, chế độ hoạt động phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của Ngân hàng, đặc biệt là các chính sách về quản trị rủi ro, giám sát các giới hạn an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Với định hướng khẩn trương, rút ngắn khoảng cách về quy mô hoạt động, sự đa dạng về sản phẩm dịch vụ giữa KienlongBank với các Ngân hàng top đầu trên thị trường tài chính - ngân hàng Việt Nam, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai trong năm 2022 như sau:

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị theo các chuẩn mực, thông lệ trong nước và quốc tế; giám sát đảm bảo các chỉ tiêu an toàn hoạt động của KienlongBank tuân thủ theo quy định của NHNN. Phấn đấu hoàn thành mục tiêu đáp ứng yêu cầu Basel II và quy định của NHNN (áp dụng theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN).
- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của BDH theo quy định của pháp luật và quy định của KienlongBank trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ủy ban/Hội đồng trực thuộc Ngân hàng/HĐQT và các hoạt động quản lý, điều hành khác.
- Đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa ngân hàng, đặc biệt là các hệ thống corebank, core thẻ, nhằm hoàn thành các mục tiêu của chiến lược chuyển đổi số, đa dạng hóa sản phẩm; thực hiện định vị thương hiệu gắn liền với chiến lược số hóa các sản phẩm, dịch vụ và phương thức bán hàng, chăm sóc khách hàng của KienlongBank nhằm mở rộng hệ thống khách hàng - đặc biệt là nhóm khách hàng chiến lược ở cả lĩnh vực khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân...
- Thường xuyên chỉ đạo, giám sát BDH trong việc xây dựng và thực hiện Phương án cơ cấu lại Ngân hàng TMCP Kiên Long gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025.

CHUYỂN MÌNH
SỐ HÓA
BỨT PHÁ
THÀNH CÔNG

“

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2021 vượt mốc
1.000 tỷ đồng

Tổng tài sản đạt **83.822 tỷ đồng**, tăng **26.540 tỷ đồng**

”

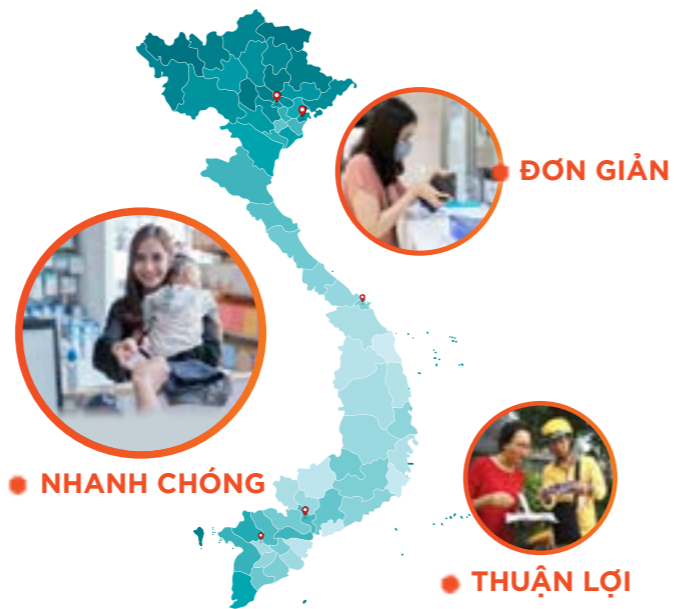


KIENLONGBANK LIÊN KẾT CÙNG VIETNAM POST TRIỂN KHAI DỊCH VỤ THU CHI HỘ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG

Với mong muốn giúp khách hàng có thêm sự lựa chọn trong các kênh giao dịch tài chính ngân hàng/lựa chọn thời điểm giao dịch dễ dàng và thuận tiện nhất, đặc biệt với nhu cầu nộp và rút tiền mặt hằng ngày, từ tháng 10/2021, KienlongBank phối hợp cùng Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post) triển khai dịch vụ thu chi hộ dành cho các khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

Với mạng lưới hơn 10.000 điểm giao dịch của Vietnam Post trên toàn quốc, khách hàng sẽ dễ dàng nộp và rút tiền mặt một cách nhanh chóng và tiện lợi, bao gồm: Nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán của người thụ hưởng tại KienlongBank; nhận tiền mặt theo yêu cầu từ tài khoản thanh toán của chính Người nhận tiền mở tại KienlongBank hoặc Người nhận tiền được chỉ định bởi chủ tài khoản thanh toán mở tại KienlongBank. Với dịch vụ này, khách hàng sẽ thực hiện tương tự như tại quầy giao dịch của Ngân hàng. Các giao dịch sẽ được ghi nhận tức thời vào tài khoản của người thụ hưởng, lịch sử giao dịch sẽ được lưu tại trên cả 2 hệ thống KienlongBank và Vietnam Post, giúp khách hàng dễ dàng tra cứu theo dõi các khoản thanh toán an toàn và bảo mật.

Định hướng trong các năm tiếp theo, bằng sự liên kết này, KienlongBank sẽ tăng quy mô khách hàng; tăng số dư Casa và huy động tiết kiệm; bán chéo sản phẩm dịch vụ, góp phần đa dạng hóa sản phẩm trên các kênh hợp tác, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, đối tác và Ngân hàng.



“VAY SẢN XUẤT KINH DOANH – LÃI ƯU ĐÃI” DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LÃI SUẤT 6,6%/NĂM

Nhằm tạo điều kiện cho khách hàng doanh nghiệp (KHDN) tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, vượt qua những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, KienlongBank triển khai gói “Vay sản xuất kinh doanh – Lãi ưu đãi” với lãi suất 6,6%/năm.

Chương trình vay áp dụng với KHDN hiện hữu; KHDN mới chưa từng phát sinh tín dụng hoặc tất toán dư nợ tại KienlongBank trong vòng 3 tháng kể từ ngày xét duyệt chương trình. Khách hàng doanh nghiệp sẽ được hưởng kỳ cố định lãi suất ưu đãi theo quy định của KienlongBank. Ngoài ra, khách hàng vay vốn còn được hưởng những ưu đãi theo từng thời kỳ, chính sách của KienlongBank như: Ưu đãi dịch vụ chi lương, giảm đến 60% phí chuyển tiền quốc tế, miễn 100% phí chuyển tiền trong và ngoài hệ thống KienlongBank,...



BEHOMES WITH KIENLONGBANK

Vay mua nhà dự án là sản phẩm hỗ trợ cho vay vốn mua nhà tại các dự án bất động sản. Đây là giải pháp tài chính tối ưu giúp quý khách hàng sở hữu ngôi nhà “mơ ước” với mức lãi suất hấp dẫn, cạnh tranh.

Trong năm 2021, KienlongBank triển khai chương trình cho vay mua nhà dự án (Áp dụng với dự án của đối tác chiến lược) với với nhiều ưu đãi hấp dẫn. Theo đó, khi vay mua nhà dự án, khách hàng sẽ được hưởng nhiều đặc quyền ưu đãi như:

- Hỗ trợ lãi suất 0%/năm tới khi bàn giao.
- Lãi suất chỉ từ 8,5%/ năm trong 3 năm tiếp theo.
- Thời hạn vay lên đến 30 năm.





SỐ HOÁ & THÀNH CÔNG





Năm 2021, kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung vẫn được kiểm soát trên toàn thế giới.

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm do dịch Covid-19 ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với năm 2020, là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Năm 2021, NHNN Việt Nam đã có chính sách điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định; thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ với mức vốn hóa năm 2021 tăng 45,5%

so với cuối năm trước. Tính đến 31/12/2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 10,66%, tổng nguồn vốn huy động tăng 9,24%, tín dụng tăng 13,61%.

Trong bối cảnh trên, để thực hiện các mục tiêu kế hoạch 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua, BDH KienlongBank đã tích cực triển khai thực hiện và đạt được những kết quả khả quan như: Tính đến 31/12/2021, lợi nhuận trước thuế hoàn thành 101% kế hoạch, tổng tài sản hoàn thành 125,48% kế hoạch, nguồn vốn huy động hoàn thành 130,52% kế hoạch, dư nợ cấp tín dụng đạt 99,8% mức dư nợ được NHNN cho phép; các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động được duy trì đúng quy định của NHNN.

BDH KienlongBank trân trọng báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022



CÁC GIỚI HẠN, TỶ LỆ ĐẢM BẢO AN TOÀN HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC DUY TRÌ ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA NHNN

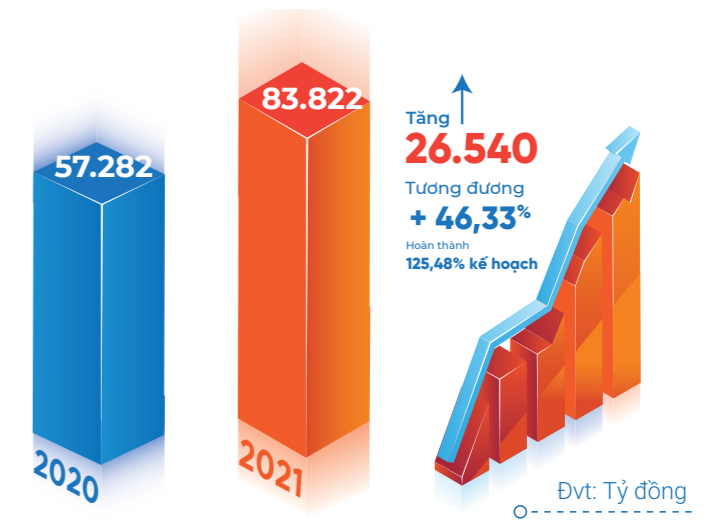
Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tăng/giảm (+/-) thực hiện năm 2021 so với thực hiện năm 2020		Tỷ lệ HTKH năm 2021(%)
				Số dư	Tỷ lệ (%)	
Vốn điều lệ	3.237	3.653	3.653	416	12,85	100,00
Tổng tài sản	57.282	66.800	83.822	26.540	46,33	125,48
Tổng nguồn vốn huy động	52.071	59.400	77.528	25.457	48,89	130,52
Dư nợ cấp tín dụng	34.716	44.600	39.182	4.466	12,86	87,85
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4,40	< 2,00	1,20		(3,20)	
Lợi nhuận trước thuế	158,21	1.000	1.010,00	851,79	538,39	101,00
Cổ tức dự kiến (%)	13,00	17,00	16,00			
Mạng lưới CN/PGD	134	152	134	-	-	88,16

Tỷ lệ chi cổ tức dự kiến năm 2021 là 16%: Thực hiện theo tỷ lệ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Đvt: Tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN

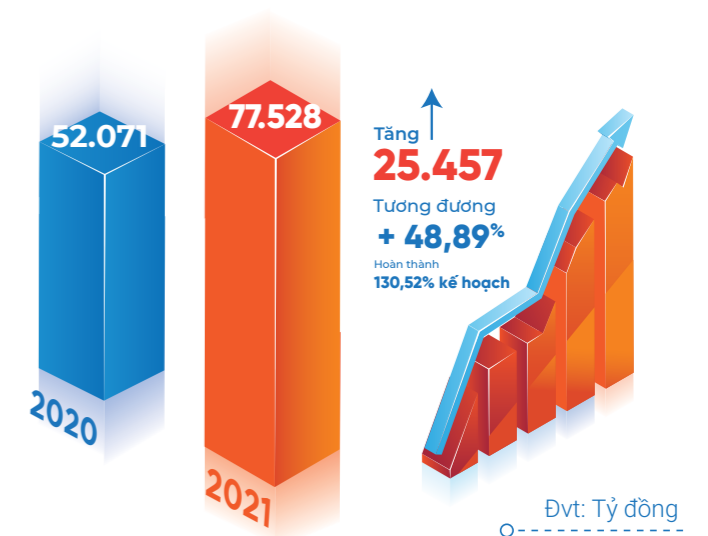
Thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản đạt 83.822 tỷ đồng, tăng 26.540 tỷ đồng, tương đương tăng 46,33% so với 31/12/2020, **hoàn thành 125,48% kế hoạch**.



NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

Nguồn vốn huy động của KienlongBank tăng trưởng ổn định, đáp ứng đủ nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN.

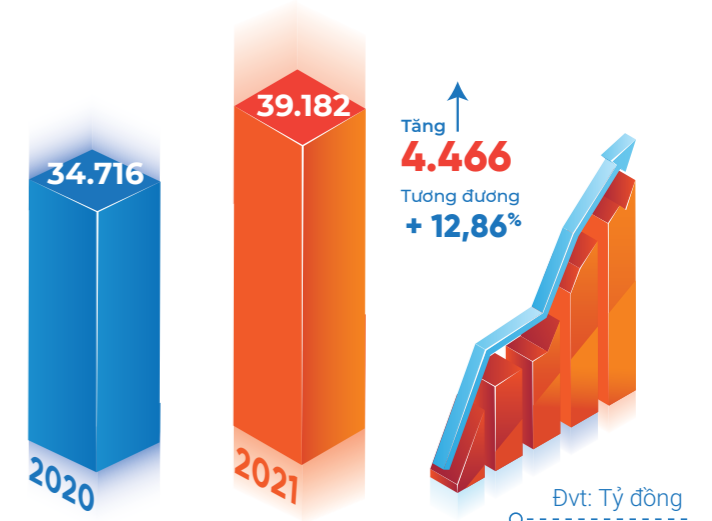
Đến ngày 31/12/2021, tổng nguồn vốn huy động đạt 77.528 tỷ đồng, tăng 25.457 tỷ đồng, tương đương tăng 48,89% so với ngày 31/12/2020, **hoàn thành 130,52% kế hoạch**. Trong đó, nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và của dân cư tăng 8.780 tỷ đồng, tương đương tăng 20,46% so với 31/12/2020, chiếm tỷ trọng 66,68%.



DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

Đến ngày 31/12/2021, tổng dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng đạt 39.182 tỷ đồng, tăng 4.466 tỷ đồng, tương đương tăng 12,86% so với 31/12/2020 và trong hạn mức tăng trưởng cho phép của NHNN, đạt 87,85% kế hoạch (kế hoạch trình ĐHĐCĐ tăng trưởng 28,47%, mức tăng trưởng NHNN cho phép là 13,14%). Trong đó:

- Dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp: 13.057 tỷ đồng, tăng 4.475 tỷ đồng, tương đương tăng 52,14% so với 31/12/2020, chiếm tỷ trọng 33,32% so với tổng dư nợ.
- Dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân: 26.124 tỷ đồng, giảm 10 tỷ đồng, tương đương giảm 0,04% so với 31/12/2020, chiếm tỷ trọng 66,68% so với tổng dư nợ.



DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG (TIẾP THEO)

KienlongBank thực hiện mở rộng tín dụng có hiệu quả, chú trọng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng công nghệ cao, thương mại, dịch vụ,...), đồng thời, thận trọng trong tăng trưởng tín dụng tiêu dùng, kiểm soát chặt chẽ đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

Đến cuối năm 2021, dư nợ cho vay đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên chiếm tỷ trọng gần 35%/tổng dư nợ, trong đó chủ yếu là cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng tại khu vực nông thôn.

Bên cạnh việc tăng trưởng tín dụng, KienlongBank tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động tín dụng và phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của Chính phủ và NHNN Việt Nam cũng như các quy định nội bộ. Tính đến ngày 31/12/2021, **tỷ lệ nợ xấu là 1,20%/tổng nợ, giảm 3,20% so với 31/12/2020.**

HOẠT ĐỘNG PHI TÍN DỤNG

Năm 2021, KienlongBank triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, đồng thời tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Doanh số giao dịch tăng trưởng ổn định, thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ và ngoại hối tăng 233,84% so với năm 2020. Chi tiết như sau:

Thanh toán quốc tế: Năm 2021, doanh số giao dịch thanh toán quốc tế **tăng 40,40%** so với năm 2020.

Kinh doanh ngoại tệ: Doanh số kinh doanh ngoại tệ (mua vào và bán ra) **tăng 140,91%** so với năm 2020.

Chuyển tiền: So với năm 2020, tổng doanh số chuyển tiền và doanh số chi trả kiểu hối Western Union **tăng 157,61%**.

TIỀN GỬI VÀ CHO VAY TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Tính đến ngày 31/12/2021, tổng số dư tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác là 30.273 tỷ đồng, **tăng 18.361 tỷ đồng** (tăng 154,14%) so với 31/12/2020. Việc sử dụng vốn trên thị trường liên ngân hàng được cân đối phù hợp giữa cơ cấu sử dụng vốn và tổng tài sản giúp cho KienlongBank đảm bảo thanh khoản đồng thời gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, duy trì mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Đầu tư trái phiếu Chính phủ (TPCP)
Việc đầu tư vào TPCP để tăng tài sản có tính thanh khoản cao, nhằm duy trì tỷ lệ thanh khoản theo quy định của NHNN, gia tăng khả năng sinh lời và đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khả dụng. Tổng giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2021 đạt 5.599 tỷ đồng, chiếm 9,41% so với tổng nợ phải trả bình quân của tháng trước liền kề (đảm bảo tỷ lệ theo quy định của NHNN).

Đầu tư góp vốn, mua cổ phần
Đến cuối năm 2021, giá trị đầu tư góp vốn, mua cổ phần là 500 tỷ đồng (đây là khoản góp vốn vào Công ty con), giảm 14,52 tỷ đồng so với 31/12/2020. Tỷ lệ góp vốn mua cổ phần/vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 13,59% (quy định ≤ 40%).

Tài sản cố định
Năm 2021, KienlongBank tiếp tục đầu tư, cải tạo, sửa chữa trụ sở các đơn vị trên toàn hệ thống nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và giao dịch ngày càng nâng cao của khách hàng. Tính đến ngày 31/12/2021, giá trị tài sản cố định đạt 1.403 tỷ đồng, giảm 75 tỷ đồng (giảm 5,04%) so với 31/12/2020.



HOẠT ĐỘNG THẺ

Khách hàng của KienlongBank được miễn phí rút tiền mặt khi giao dịch tại các máy ATM KienlongBank trên toàn quốc và hệ thống máy ATM của KienlongBank chấp nhận giao dịch tất cả các loại thẻ ghi nợ của ngân hàng khác (có liên kết Napas - Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam).

KienlongBank tích cực ra mắt nhiều sản phẩm, dịch vụ mới với những tính năng ưu việt, hiện đại, ứng dụng công nghệ số vào các giao dịch tài chính của khách hàng.

Cụ thể: KienlongBank ra mắt ứng dụng KienlongBank Plus giúp khách hàng dễ dàng đăng ký và tạo tài khoản bằng eKYC - Giải pháp định danh khách hàng trực tuyến, mở tài khoản trực tuyến miễn phí mọi lúc mọi nơi bằng việc xác minh sinh trắc học; ra mắt dòng thẻ ghi nợ nội địa Uni Card được phát hành trực tiếp ngay tại máy giao dịch tự động thế hệ mới (STM) chỉ trong vòng 05 phút; triển khai thử nghiệm các máy ATM thế hệ mới với nhiều tính năng ưu việt như nạp tiền mặt, mở tài khoản eKYC,...

KienlongBank đã nỗ lực duy trì thúc đẩy tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh thẻ, cụ thể là **Thẻ Ghi nợ quốc tế JCB** trong năm 2020 của KienlongBank đã đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng trưởng hơn 59% so với cùng kỳ. Qua đó KienlongBank rất vinh dự được tổ chức Thẻ quốc tế JCB trao giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu số lượng thẻ ghi nợ đang lưu hành năm 2020 - 2021".

Bên cạnh đó, KienlongBank thường xuyên phối hợp với các Đơn vị liên kết để triển khai các chương trình ưu đãi, chiết khấu dành cho chủ thẻ KienlongBank. Tiếp tục triển khai chuyển đổi thẻ ghi nợ nội địa sang thẻ Chip chuẩn VCCS theo quy định của NHNN, nâng cấp 100% hệ thống POS, ATM lên chuẩn VCCS của Napas, Kết nối với Ví điện tử Momo,... nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và tăng tiện ích giao dịch cho khách hàng.



CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ MANG LẠI LỢI NHUẬN VƯỢT TRỘI

Dịch vụ liên kết và tư vấn các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ:

- Các sản phẩm tư vấn, liên kết được mở rộng, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đóng góp vào sự tăng trưởng thu nhập và lợi nhuận của KienlongBank trong năm 2021.
- Thu nhập thuần từ các hoạt động dịch vụ năm 2021 **gấp 2,9 lần** so với năm 2020.

CÁC GIỚI HẠN, TỶ LỆ AN TOÀN HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2021, KienlongBank đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN. Số liệu đến ngày 31/12/2021 như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2021	Quy định của NHNN
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%)	10,02	≥ 8,00
Giới hạn tín dụng (%)		
• Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 1 khách hàng so VTC riêng lẻ (%)	11,00	≤ 15,00
• Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 1 nhóm khách hàng so VTC riêng lẻ (%)	18,36	≤ 25,00
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)	25,22	≥ 10,00
Giới hạn góp vốn, mua cổ phần (%)	13,59	≤ 40,00
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (%)	25,28	≤ 37,00
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	49,39	≤ 85,00

Từ tháng 9/2021, KienlongBank thực hiện báo cáo tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Năm 2021, hoạt động kiểm soát nội bộ được KienlongBank thực hiện thường xuyên theo kế hoạch triển khai. Hoạt động kiểm soát được thực hiện theo hình thức trực tiếp và giám sát từ xa để ngăn ngừa, phát hiện sai sót, giảm thiểu rủi ro đảm bảo hoạt động của KienlongBank an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO

KienlongBank chú trọng củng cố hệ thống quản lý rủi ro, hướng đến mục tiêu đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại và quản lý rủi ro hiệu quả theo tiêu chuẩn Basel II.

Theo đó, năm 2021, KienlongBank đã đạt tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN tại 31/12/2021 đạt 10,02% cao hơn hạn mức 8% theo quy định của NHNN; Bên cạnh đó, KienlongBank phối hợp với Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG hoàn thành triển khai Dự án Đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP) theo quy định của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, đánh dấu việc đáp ứng cả 3 trụ cột của Basel II. Hiện tại KienlongBank đang phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam triển khai Dự án Xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

- **Rủi ro tín dụng:** Năm 2021, KienlongBank tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý rủi ro tín dụng nhằm mục tiêu quản trị hiệu quả rủi ro tín dụng. KienlongBank quản lý tài sản có rủi ro bao gồm tài sản có rủi ro tín dụng đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được NHNN cho phép triển khai tính toán theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN với mục tiêu quản lý rủi ro tín dụng an toàn, hiệu quả và bền vững.

- **Rủi ro thị trường:** Về mặt rủi ro thị trường, KienlongBank xây dựng và kiện toàn hệ thống các văn bản chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thị trường, quy định chi tiết các nội dung cũng như các bước từ nhận diện, đo lường, theo dõi/kiểm soát/giám sát và báo cáo rủi ro thị trường; trách nhiệm của các đơn vị liên quan đối với công tác quản lý rủi ro thị trường và ban hành, áp dụng hệ thống hạn mức rủi ro thị trường để quản lý như: hạn mức trạng thái/danh mục, hạn mức giao dịch viên, hạn mức lỗ/cắt lỗ, hạn mức độ nhạy,... nhằm đảm bảo ước lượng được chính xác mức độ rủi ro, đồng thời có những biện pháp phòng ngừa phù hợp và hiệu quả.
- **Rủi ro thanh khoản:** Đối với rủi ro thanh khoản, KienlongBank theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản chặt chẽ hàng ngày và luôn đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện bình thường và điều kiện căng thẳng.
- **Rủi ro lãi suất số ngân hàng:** Trong công tác quản trị rủi ro lãi suất trên số ngân hàng, KienlongBank đã ban hành và áp dụng hạn mức rủi ro lãi suất số ngân hàng tuân thủ theo quy định tại Thông tư 13 cũng như phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.
- **Rủi ro hoạt động:** KienlongBank luôn tuân thủ quy định về quản lý rủi ro hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công tác quản lý rủi ro hoạt động của KienlongBank luôn được chú trọng và tăng cường, với mục tiêu giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng.
- **Phòng, chống rửa tiền:** KienlongBank xây dựng cơ chế kiểm soát trong công tác Phòng, chống rửa tiền đã đáp ứng được các yêu cầu của NHNN và cơ quan chức năng. Cơ chế kiểm soát đang được thực hiện bao gồm: xây dựng và thường xuyên rà soát, cập nhật các danh sách: quốc gia bị cấm vận, danh sách trừng phạt, danh sách bị chỉ định của các tổ chức quốc tế. Cho đến nay, tại KienlongBank chưa phát sinh giao dịch vi phạm quy định Phòng, chống rửa tiền.

Bên cạnh đó KienlongBank luôn chủ động tăng cường giám sát các giao dịch khách hàng, nhằm phát hiện các hành vi đáng ngờ, giao dịch vi phạm pháp luật.

KienlongBank đã ban hành Quy định Phòng, chống rửa tiền, trong đó quy định cụ thể các biện pháp kiểm soát và kiểm soát tăng cường đối với từng nhóm khách hàng theo mức độ rủi ro. Các trường hợp phát hiện rủi ro liên quan đến rửa tiền sẽ được báo cáo ngay đến cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, công tác quản lý rủi ro liên quan tới Phòng, chống rửa tiền luôn được KienlongBank chú trọng, truyền thông rộng rãi đến từng Đơn vị, CBNV để nhận thức thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa cho khách hàng và cho chính Ngân hàng.

KienlongBank
BỨT PHÁ KỶ NGUYÊN SỐ

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Với chiến lược phát triển trở thành ngân hàng số hiện đại và thân thiện, năm 2021 đánh dấu bước chuyển mình của KienlongBank và hoạt động công nghệ thông tin. Theo đó hoạt động công nghệ thông tin (CNTT) được đầu tư phát triển về hạ tầng, hiện đại hóa hệ thống, đảm bảo an toàn - bảo mật thông tin.

Dự án Core Banking, Core Card được xác định là các dự án chiến lược thay đổi hoạt động số của ngân hàng đã được gấp rút triển khai. CNTT cũng đã triển khai và đưa vào hoạt động hệ thống máy ATM, bổ sung nhiều tính năng hiện đại mới: Ekyc, hỗ trợ trực tuyến qua video call, mở CIF/ACCT, rút tiền qua QR code,... Hoàn thành giai đoạn I việc cài đặt CRM, cập nhật tính năng KLB Support. Đặc biệt, app KienlongBank Plus chính thức được giới thiệu khách hàng với nhiều tính năng vượt trội: đăng ký và tạo tài khoản bằng eKYC; tính năng lên lịch chuyển tiền, theo dõi chi tiết tài khoản tiết kiệm tại quầy; kích hoạt mở thẻ ngay trên app,... Hoàn thành nâng cấp hệ thống VAMS.



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2021 đạt 1.010 tỷ đồng, tăng 851,79 tỷ đồng, tương đương tăng 538,39% so với năm 2020, hoàn thành 101% kế hoạch (Kế hoạch: 1.000 tỷ đồng). Trong đó:

- Lợi nhuận công ty con: 404 triệu đồng, giảm 38,81 tỷ đồng (giảm 98,97%) so với năm 2020.
- Lợi nhuận riêng KienlongBank: 1.009,60 tỷ đồng, tăng 890,60 tỷ đồng (tăng 748,42%) so với năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế tăng so với năm 2020 do KienlongBank đã có những chiến lược chuyển đổi kịp thời, tối ưu hóa hoạt động, quyết liệt xử lý nợ xấu đặc biệt là xử lý dứt điểm các khoản cho vay có tài sản bảo đảm là cổ phiếu STB (theo Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của KienlongBank đã được NHNN phê duyệt), thu hút tiền gửi không kỳ hạn với mức tăng trưởng mạnh, phát triển tín dụng, tăng cường phát triển các dịch vụ ngân hàng, đóng góp cao vào lợi nhuận của KienlongBank.

KienlongBank
BỨT PHÁ KỶ NGUYÊN SỐ

NHÂN SỰ

SỨC MẠNH CỦA KienlongBank



KienlongBank luôn xác định nguồn nhân lực chính là yếu tố cốt lõi để duy trì, phát triển các hoạt động của Ngân hàng. Năm 2021, mặc dù phải chịu những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 nhưng Ban Lãnh đạo KienlongBank luôn quan tâm, có những chỉ đạo kịp thời trong công tác nhân sự, đảm bảo việc làm ổn định, đồng thời cải tiến các chính sách phúc lợi, tạo sự an tâm cho người lao động. Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đãi ngộ tốt kèm với chính sách đào tạo, giúp người lao động nâng cao kiến thức, kỹ năng và trình độ, KienlongBank đã và đang xây dựng một mái nhà chung đoàn kết, phát triển, tạo nên sức mạnh và nét văn hóa riêng đặc trưng của KienlongBank.



CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI & ĐÃI NGỘ

Chính sách lương, thưởng tại KienlongBank được xây dựng dựa trên định hướng hiệu quả công việc, đảm bảo công bằng, minh bạch và cạnh tranh. KienlongBank đề cao các thành tích đóng góp của từng cá nhân vào thành quả chung của tập thể, xây dựng cơ chế thu nhập và đãi ngộ vượt trội thể hiện qua các chính sách:

Thưởng theo kết quả công việc (KPI); thưởng theo kết quả hoạt động định kỳ hàng tháng/quý/năm; thưởng theo năng suất lao động; thưởng đối với sáng kiến ứng dụng thực tế hiệu quả; chính sách hỗ trợ CBNV và người thân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; chính sách bố trí nhân sự làm việc tại nhà; chính sách hỗ trợ làm việc "3 tại chỗ"; nâng định mức tiền ăn ca, xét nâng lương dù trong thời điểm mùa dịch; ưu tiên bố trí CBNV tiêm vaccine để bảo vệ sức khoẻ, phòng tránh dịch bệnh; hoạt động khen thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu/xuất sắc qua các chương trình thi đua; các hoạt động sơ/tổng kết năm cũng được cải thiện, nâng lên đáng kể, đã chia sẻ khó khăn, khích lệ tinh thần làm việc của CBNV.

Nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, KienlongBank ban hành các chương trình thi đua thúc đẩy về Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm khoản vay, Thanh toán quốc tế, Thẻ, Trả góp ngày,... với cơ cấu giải thưởng đa dạng, giá trị cao, tạo động lực để CBNV, CTV nỗ lực hoàn thành các mục tiêu, đồng thời góp phần nâng cao thu nhập cho CBNV, CTV.

Năm 2021, KienlongBank tiếp tục duy trì chính sách "Thưởng quý Đồng hành và Phát triển KienlongBank", triển khai chính sách tri ân "Vì sự nghiệp Ngân hàng Kiên Long" nhằm ghi nhận sự gắn bó, cống hiến của CBNV đối với KienlongBank, đồng thời thu hút và giữ chân nhân sự có năng lực.

Bên cạnh đó, KienlongBank luôn quan tâm, chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần của người lao động; các chính sách phúc lợi, hiếu, hỷ được chia sẻ, thực hiện kịp thời.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ BỐ TRÍ NHÂN SỰ

Công tác tuyển dụng được tổ chức thực hiện theo mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh của KienlongBank trong từng giai đoạn với mục tiêu tuyển đúng người, bố trí làm đúng việc, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết thế mạnh bản thân.

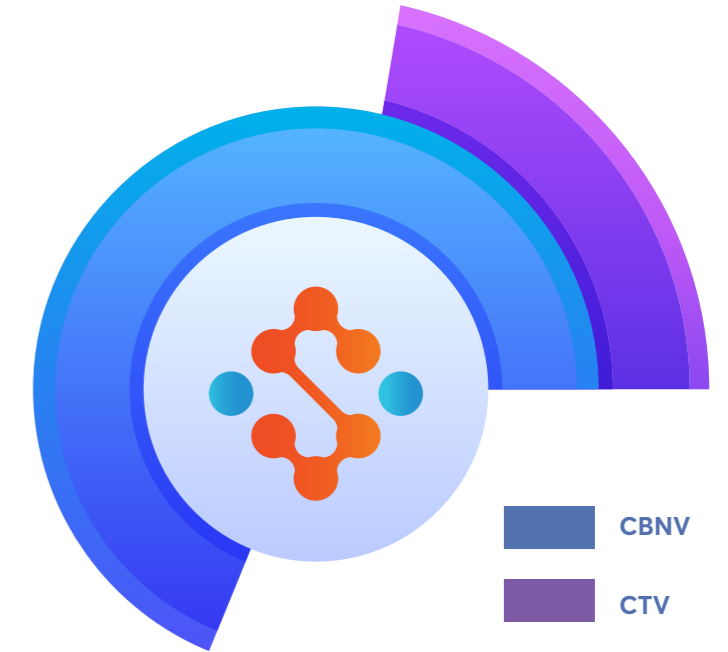
Việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý cơ sở, quản lý cấp trung luôn được chú trọng và tổ chức đào tạo thường xuyên vì đây là đội ngũ trung gian, là cầu nối để hiện thực hóa ý tưởng của Ban Lãnh đạo xuống đội ngũ nhân viên để thi hiệu quả. Do đó việc xây dựng đội ngũ quản lý kế thừa là lợi thế cạnh tranh trong hiện tại và tương lai mà mỗi doanh nghiệp đều phải theo đuổi và cải tiến từng ngày.

Để thực hiện thành công định hướng phát triển KienlongBank, việc tuyển dụng nhân sự đặc biệt ngày càng được chú trọng nhiều hơn về chất lượng, năng lực,... Đây là những yếu tố trọng tâm trong mục tiêu quản trị nhân sự của Ban Lãnh đạo KienlongBank nhằm nâng cao hiệu suất làm việc, tạo nên vị thế cạnh tranh của KienlongBank trên thị trường.

NĂM 2021

Tổng số nhân sự tại KienlongBank & công ty KBA là 5.035 người trong đó:

- CBNV: 3.370 người.
- CTV: 1.665 người



Trình độ CBNV	KLB	KBA
Sau đại học	109	1
Đại học	2.122	145
Cao đẳng	346	28
Trung cấp	139	2
Sơ cấp	478	-
Tổng cộng	3.194	176



Chất lượng nguồn nhân sự là yếu tố cốt lõi, quyết định thành công và sự phát triển bền vững của Ngân hàng. Do đó việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là vấn đề trọng tâm mà KienlongBank luôn chú trọng, duy trì.

Để xây dựng đội ngũ CBNV chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, nhiệt huyết, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của KienlongBank, đặc biệt trong quá trình chuyển đổi số, năm 2021, KienlongBank tiếp tục tổ chức, triển khai nhiều khóa đào tạo nội bộ để nâng cao năng lực, kỹ năng cho CBNV, CTV. Dưới những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, KienlongBank đã linh hoạt, thích ứng xây dựng nhiều phương án thay thế phù hợp đảm bảo kế hoạch đào tạo của năm 2021, thông qua đẩy mạnh việc sử dụng công cụ trực tuyến Zoom và tăng tần suất đào tạo các khóa học trên hệ thống E-learning (EL). Với các công cụ đào tạo trực tuyến, học viên tiếp cận công nghệ nhanh hơn, có thể tham gia mọi lúc, mọi nơi và chọn lựa các nhu cầu phù hợp, chủ động về thời gian cũng như nội dung học tập, qua đó chất lượng đào tạo được nâng cao, đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển của Ngân hàng.

Song song đó, KienlongBank cử nhân sự tham dự các khóa học, Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm từ Hiệp hội Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước và các chương trình liên kết từ đối tác khác để bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân sự. Sau các khóa học, Ngân hàng tổ chức nhiều đợt kiểm tra, sát hạch nghiệp vụ định kỳ để đánh giá nhân sự, đồng thời xây dựng, tuyển chọn đội ngũ kế thừa cho kế hoạch phát triển của KienlongBank.



Khoá học	Số lượng	Số học viên
Nội bộ tập trung	06	3.864
Đào tạo chuyển đổi chức danh tại đơn vị	29	57
Tân tuyển	40	459
Bên ngoài	42	292
Liên kết	24	5.929
E-Learning	40	18.405
Sát hạch	03	4.233
Nội bộ tại Đơn vị	1.187 (lượt)	13.407 (lượt)
Đánh giá sau đào tạo	03	131

Kết quả thực hiện chương trình năm 2021

GẮN KẾT SẼ CHIA

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Với phương châm "Sẵn lòng chia sẻ" và hướng tới xây dựng một Ngân hàng XANH, chia sẻ giá trị XANH và tiên phong trong các chương trình, hoạt động vì lợi ích cộng đồng, 27 năm hoạt động và phát triển, Kienlongbank luôn xác định trách nhiệm với xã hội gắn liền với sự phát triển của Kienlongbank. Doanh nghiệp nhỏ hay lớn sẽ thể hiện trách nhiệm xã hội theo kế hoạch kinh doanh hằng năm, tùy theo mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn phát triển, KienlongBank luôn chủ động và tích cực triển khai các chương trình, hoạt động có ý nghĩa thiết thực, mang giá trị nhân văn đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

Năm 2021, KienlongBank tiếp tục duy trì các chương trình an sinh xã hội thường niên của Ngân hàng, đồng thời tích cực tham gia hỗ trợ, đóng góp tích cực các hoạt động thiện nguyện. Tổng chi phí tài trợ và hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội của KienlongBank trong năm 2021 là trên 15 tỷ đồng.



ỦNG HỘ QUỸ VACCINE VÀ HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chung tay đảm bảo nguồn tài chính để hỗ trợ Nhà nước triển khai tiêm chủng cho toàn dân, KienlongBank đã ủng hộ kinh phí 9,5 tỷ đồng trong công tác hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19. Cụ thể, KienlongBank ủng hộ 3 tỷ đồng vào Quỹ Vaccine phòng dịch Covid-19; ủng hộ 6,5 tỷ đồng hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 thông qua NHNNVN tại 28 tỉnh, thành phố nơi KienlongBank đặt trụ sở hoạt động.

KienlongBank còn ủng hộ kinh phí mua khẩu trang và dung dịch kháng khuẩn, tham gia hỗ trợ các lực lượng phòng chống dịch Covid-19, tài trợ dinh dưỡng cho người già và trẻ em khó khăn bị ảnh hưởng bởi giãn cách tại các địa phương,...



PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI

Tài trợ kinh phí xây dựng 02 cầu nông thôn tại tỉnh Kiên Giang, đồng hành cùng chính quyền địa phương và bà con thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kết nối giao thông thuận tiện cho việc đi lại của bà con.



TRAO TẶNG QUÀ TẾT CHO BÀ CON, HỘ GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN

Trao tặng 8.450 phần quà nhu yếu phẩm ngày Tết, tổng trị giá 4,225 tỷ đồng cho bà con và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn vào dịp Tết Nguyên Đán trong chương trình "San sẻ yêu thương thêm hương ngày Tết". Đây là chương trình thường niên được KienlongBank tổ chức 8 năm liên tiếp kể từ năm 2014 đến nay. Theo đó, Ngân hàng đã phối hợp UBMTTQ, NHNN và chính quyền tại 134 địa phương trực tiếp trao tặng hàng trăm ngàn quà Tết, tổng giá trị gần 20 tỷ đồng.



TÀI TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

KienlongBank tài trợ 10 suất học bổng trị giá 100 triệu đồng cho con em cán bộ ngành Kiểm sát phía Nam; tặng dụng cụ học tập cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Long An.

CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI NỔI BẬT TRONG NĂM 2021



GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT CÔNG ẮN VIỆC LÀM CHO XÃ HỘI

KienlongBank đã, đang giải quyết được vấn đề việc làm cho trên 5.000 CBNV, CTV khi có được mức thu nhập hài hòa, giúp người lao động có cuộc sống đầy đủ, tốt hơn và giảm bớt gánh nặng cho Nhà nước và xã hội. Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn triển khai các chính sách phúc lợi dành cho Người lao động phù hợp quy định của pháp luật và góp phần nâng cao đời sống tinh thần, vật chất.

Ngân hàng đặc biệt có chính sách cộng tác viên dành cho người lao động chỉ cần tốt nghiệp THCS và có thời gian nhàn rỗi để truyền tải giới thiệu sản phẩm cho vay trả góp ngày của KienlongBank đến với những người buôn bán nhỏ lẻ tại các chợ, với những món vay rất nhỏ, nhằm góp phần thực hiện đúng chủ trương của NHNN là đẩy lùi tín dụng đen tại các vùng nông thôn.



**KẾ HOẠCH
KINH DOANH
NĂM 2022**



VƯƠN MÌNH



DỮNG MẠNH

DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2022

Năm 2022, Chính phủ đặt mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân, cùng với tập trung tận dụng tốt cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển KTXH với các giải pháp tổng thể kích thích nền kinh tế, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, không để suy giảm các động lực tăng trưởng trong dài hạn. Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế... với các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP): **6,0 – 6,5%**.
- GDP bình quân đầu người: **3.900 USD**.
- Kiểm soát tốc độ tăng CPI bình quân: Khoảng **4,00%**.

ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2022

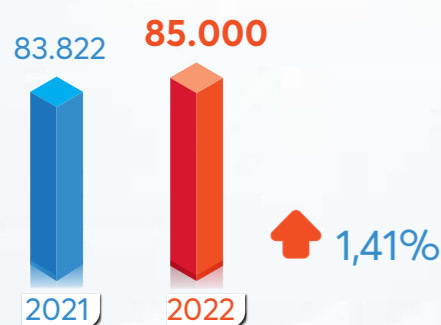
Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2022 bình quân khoảng 4%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước. Năm 2022, định hướng tín dụng tăng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế (Chỉ thị 01/CT-NHNN của NHNN), mục tiêu cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022 VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bám sát các giải pháp điều hành kinh tế, chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Chính phủ và NHNN trong năm 2022, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng để phát triển, Ban điều hành KienlongBank xây dựng mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2022 và các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

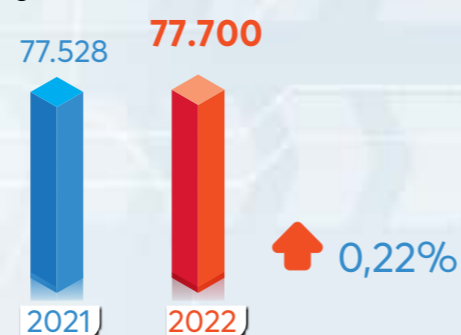
TỔNG TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng



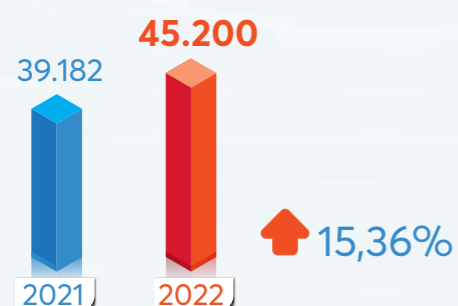
TỔNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

ĐVT: Tỷ đồng



DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

ĐVT: Tỷ đồng



TỶ LỆ NỢ XẤU

ĐVT: %



Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng/giảm (+/-) kế hoạch năm 2022 so với năm 2021	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng tài sản	83.822	85.000	1.178	1,41
Tổng nguồn vốn huy động	77.528	77.700	172	0,22
Dư nợ cấp tín dụng	39.182	45.200	6.018	15,36
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,20	< 2,00		
Lợi nhuận trước thuế	1.010,00	660	(350)	(34,65)
Cổ tức dự kiến (%)	16%	10%		

Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng tín dụng:
Thực hiện theo tỷ lệ được NHNN Việt Nam phê duyệt.

Đvt: Tỷ đồng, %

CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Về mô hình tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành

- Chuyển đổi mô hình tổ chức và hệ thống kiểm soát nội bộ để tăng năng lực quản trị, điều hành và quản trị rủi ro nhằm phù hợp hơn với thông lệ tốt nhất về quản trị ngân hàng.
- Rà soát, hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền đảm bảo rõ ràng và có cơ chế kiểm soát giữa chức năng quản trị, điều hành và thực thi.
- Tăng cường mối quan hệ giữa cấp quản lý và cấp điều hành; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc; phát huy vai trò tham mưu của Ban Giám đốc các Phòng, Ban, Trung tâm Hội sở.
- Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, tăng cường áp dụng tự động hóa trong quy trình xử lý nghiệp vụ và hoạt động quản trị. Hoàn thiện hệ thống báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và xử lý dữ liệu, kịp thời cung cấp các số liệu cho công tác hoạch định chiến lược, quản trị và điều hành.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản trị rủi ro

- Rà soát, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung và/hoặc ban hành mới các quy định/quy trình, chính sách nội bộ nhằm phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và tuân thủ đầy đủ quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 18/5/2019 về hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, ý thức chấp hành pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của CBNV trong toàn hệ thống.
- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thống đốc NHNN về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, và phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố.

Về hoạt động kinh doanh

Cấp tín dụng

- Tập trung đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong hạn mức NHNN cho phép và phù hợp với các biện pháp kiểm soát tín dụng theo chỉ đạo của NHNN.
- Cân đối nguồn vốn, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, cho vay phục vụ đời sống, tín dụng tiêu dùng với mức lãi suất hợp lý, đảm bảo an toàn vốn vay và tuân thủ quy định pháp luật liên quan, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng trên cơ sở rà soát, đơn giản hóa và rút ngắn quy trình, thủ tục...đi đôi với việc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không nới lỏng các điều kiện cấp tín dụng để đảm bảo an toàn vốn vay.
- Phát triển đa dạng sản phẩm tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn hợp pháp của khách hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen.
- Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, các dự án BOT, BT giao thông; hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp...; thực hiện cho vay bằng ngoại tệ theo chủ trương của Chính phủ và NHNN về hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế.
- Tiếp tục rà soát, phân loại khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, thiên tai, dịch bệnh để đưa ra các giải pháp hỗ trợ thiết thực, hiệu quả và phù hợp nhất. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, doanh nghiệp có hệ thống quản trị tốt, có khả năng phục hồi sản xuất kinh doanh tốt.
- Triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách thúc đẩy tăng trưởng tín dụng phù hợp với từng đối tượng khách hàng, từng khu vực (cho vay thông thường, cho vay trả góp ngày, thẻ tín dụng, liên kết,...).

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện đúng quy định về kiểm soát trước, trong và sau cho vay.

Huy động vốn

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến lãi suất/tỷ giá trên thị trường, kịp thời điều chỉnh lãi suất phù hợp, chú trọng phân khúc kỳ hạn trung dài hạn, phân nhóm khách hàng theo đối tượng và số dư.
- Triển khai linh hoạt các chương trình/chính sách thúc đẩy tăng trưởng huy động vốn; phát triển thêm các sản phẩm huy động mới (trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, sản phẩm huy động trực tuyến...).
- Tăng cường giao dịch đa dạng các loại nghiệp vụ trong hoạt động liên ngân hàng như giao dịch vốn (MM), ngoại hối (FX), các loại giấy tờ có giá...nhằm mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính để phát triển hoạt động kinh doanh tiền tệ và dự phòng nguồn cho việc phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

Xử lý và thu hồi nợ

- Triển khai có hiệu quả các giải pháp xử lý nợ xấu kết hợp với các biện pháp chế tài nhằm đảm bảo kiểm soát tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 2%/tổng nợ.
- Đẩy mạnh các biện pháp thu hồi và xử lý nợ xấu. Áp dụng triệt để các giải pháp xử lý nợ xấu tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 để đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu theo đúng kế hoạch đề ra.
- Thường xuyên rà soát, đánh giá và theo dõi, kiểm tra chặt chẽ khách hàng vay, khoản tín dụng và tài sản bảo đảm để có biện pháp xử lý thích hợp. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp nhằm hạn chế nợ xấu mới phát sinh trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục bị tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19.

Hoạt động kinh doanh dịch vụ

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch chuyển đổi số của ngành Ngân hàng và Đề án Thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật trong hoạt động thanh toán. Rà soát, đổi mới và hoàn thiện quy trình, quy định nội bộ theo hướng ứng dụng công nghệ số.
- Áp dụng các giải pháp công nghệ thanh toán tiên tiến và các tiêu chuẩn quốc tế về an ninh, bảo mật cho hệ thống công nghệ thông tin.
- Tiếp tục triển khai áp dụng tiêu chuẩn cơ sở thẻ chip nội địa theo lộ trình của NHNN.
- Tiếp tục triển khai có hiệu quả dịch vụ liên kết (bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm khoản vay, tư vấn các sản phẩm thu chi hộ,...) nhằm đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng nguồn thu từ dịch vụ phi tín dụng.

Về công nghệ thông tin

- Tăng cường đầu tư hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư 09/2020/TT-NHNN ngày 21/10/2020.
- Phát triển ứng dụng ngân hàng số phục vụ tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát rủi ro vận hành.
- Triển khai dự án chuyển đổi Core Banking, dự án chuyển đổi core thẻ và các dự án CNTT khác theo kế hoạch.

Các hoạt động khác

- Bổ sung nhân sự kịp thời cho các chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ phát triển kinh doanh.
- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo qua hệ thống E-learning, đào tạo theo cụm khu vực; tập huấn nội bộ tại chi nhánh, phòng giao dịch.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của NHNN về giao nhận, vận chuyển, phân loại, tuyển chọn tiền, tồn quỹ, đảm bảo an toàn kho quỹ. Rà soát, cải tiến quy định, quy trình nghiệp vụ về quản lý an toàn kho quỹ, giấy tờ có giá, đảm bảo kiểm soát và phòng ngừa rủi ro.



○

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: +84 (029) 7386 9950
- Fax: +84 (029) 7387 1171

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2021
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2021
	phụ trách hoạt động HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2021
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2021
		Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch	



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Hồng Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2021
		Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2021
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên	
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Lê Trung Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2021
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Cao Cường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên	
Bà Vũ Hạnh Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021
	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2021
Bà Trần Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021
		Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2021
Bà Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2021
Ông Vũ Đức Căn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Quốc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2021
Ông Đỗ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Rạch Giá, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022


Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

A	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	1.046.615	755.932
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	4.755.046	3.500.995
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD	V.3	29.872.517	11.911.947
1.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3.1	29.085.727	11.911.947
2.	Cho vay các TCTD khác	V.3.2	786.790	-
3.	Dự phòng rủi ro		-	-
IV.	Chứng khoán kinh doanh		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh		-	-
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.4	6.036	-
VI.	Cho vay khách hàng		38.020.523	34.423.044
1.	Cho vay khách hàng	V.5	38.387.339	34.716.197
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(366.816)	(293.153)
VII.	Hoạt động mua nợ		-	-
1.	Mua nợ		-	-
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII.	Chứng khoán đầu tư	V.7	7.087.660	3.381.781
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.7	1.641.483	-
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.7	5.452.133	3.381.781
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.7	(5.956)	-
IX.	Góp vốn, đầu tư dài hạn		-	14.521
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Vốn góp liên doanh		-	-
3.	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	V.8	-	14.521
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
X. Tài sản cố định		1.403.268	1.477.785
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	692.501	741.936
a. Nguyên giá tài sản cố định		1.079.371	1.071.740
b. Hao mòn tài sản cố định		(386.870)	(329.804)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	710.767	735.849
a. Nguyên giá tài sản cố định		795.228	811.031
b. Hao mòn tài sản cố định		(84.461)	(75.182)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác		1.630.823	1.815.982
1. Các khoản phải thu	V.11	677.494	348.049
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.12	655.388	1.066.409
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.306	-
4. Tài sản có khác	V.13	325.939	405.649
Trong đó: lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(29.304)	(4.125)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		83.822.488	57.281.987



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.14	25.830.794	9.153.602
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	V.14	25.772.472	9.075.755
2.	Vay các TCTD khác	V.14	58.322	77.847
III.	Tiền gửi của khách hàng	V.15	51.397.605	42.017.697
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI.	Phát hành giấy tờ có giá		300.000	900.000
VII.	Các khoản nợ khác		1.614.672	1.292.516
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	V.16	1.027.911	1.018.453
2.	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.17	586.761	274.063
4.	Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
	Tổng nợ phải trả		79.143.071	53.363.815
VIII.	Vốn và các quỹ	V.18	4.679.417	3.918.172
1.	Vốn của TCTD		3.618.619	3.202.758
a.	Vốn điều lệ	V.18	3.652.819	3.236.958
b.	Vốn đầu tư XDCB		-	-
c.	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d.	Cổ phiếu quỹ	V.18	(34.200)	(34.200)
e.	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f.	Vốn khác		-	-
2.	Quỹ của TCTD	V.18, 19	290.521	271.573
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5.	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.18	770.277	443.841
6.	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		83.822.488	57.281.987



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		15.964.295	-
Cam kết mua ngoại tệ		1.142.500	-
Cam kết bán ngoại tệ		1.142.500	-
Cam kết giao dịch hoán đổi		13.679.295	-
Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	9.042	50.362
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	334.284	186.245
6. Các cam kết khác		-	-

Rạch Giá, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người lập: 
Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát: 
Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt: 
Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	5.449.139	3.932.611
2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	3.518.179	2.980.182
I. Thu nhập lãi thuần		1.930.960	952.429
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	273.173	103.453
4. Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	17.523	16.474
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	255.650	86.979
III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	28.274	25.237
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.5	63.737	77.167
5. Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	55.444	107.366
6. Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	16.911	8.791
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.6	38.533	98.575
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	1.709	891
VIII. Chi phí hoạt động	VI.8	1.227.211	1.085.478
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.091.652	155.800
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	V.6	81.647	(2.410)
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		1.010.005	158.210
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	241.038	31.892
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(1.306)	-
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		239.732	31.892
XIII. Lợi nhuận sau thuế		770.273	126.318
XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	VI.9a, b	2.358	395

Rạch Giá, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người lập: 
Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát: 
Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt: 
Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		5.860.160	4.136.443
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.508.722)	(2.649.693)
03. Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được		255.650	86.979
04. "Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)"		92.010	102.404
05. Thu nhập khác		(5.435)	1.126
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	32.685	40.666
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.107.374)	(1.017.072)
08. Tiền thuế thực nộp trong năm	VIII.2	(178.957)	(17,440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.440.017	683.413
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(3.705.880)	(2.551.017)
11. "(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác"		(6.036)	853
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(3.671.142)	(1.236.552)
13. (Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	V.6	(7.984)	(425)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(247.636)	(39.053)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
16. Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		16.677.191	(3.127.335)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		9.379.908	9.096.925
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		(600.000)	(300.000)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		215.713	49.969
22. Chi từ các quỹ của TCTD		-	(10.941)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.474.151	2.565.837



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm tài sản cố định		(20.026)	(25.147)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		34.949	56.783
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		14.521	-
09. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	VI.7	1.709	891
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		31.153	32.527
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	V.6	-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		19.505.304	2.598.364
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	VII	16.168.874	13.570.510
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	VII	35.674.178	16.168.874

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 3.652.819 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.236.958 triệu VND).

Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi mốt (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Ngân hàng và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại Tầng 6, Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tình hình hoạt động của Tập đoàn có ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong Quý 1 năm 2021, Ngân hàng đã phối hợp với khách hàng xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm liên quan đến dư nợ các khoản cho vay đối với một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác và đã hoàn thành việc thu hồi nợ gốc và lãi dự thu này theo Quyết định số 2595/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 12 năm 2019 và các công văn khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kết quả liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm này đã đem lại cho Tập đoàn một khoản thu lớn và làm cho lợi nhuận năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 3.370 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.254 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017. Việc lập Báo cáo tài chính được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán có liên quan.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Ngân hàng và công ty con trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con.

Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính thì Tập đoàn dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác:

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện đến ngày 30 tháng 9 năm 2021 theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

lập, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 02/2013/TT-NHNN) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 03 năm 2014 (Thông tư số 09/2014/TTNHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các sửa đổi bổ sung. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Tập đoàn thực hiện phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 07 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tập đoàn thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác dựa trên phương pháp định lượng theo các quy định trên. Việc tính dự phòng cụ thể các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được căn cứ trên tình trạng quá hạn của nợ gốc hoặc lãi với các tỷ lệ trích lập như sau:

Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	0%
Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	5%
Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	20%
Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	50%
Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	100%

Cho vay các tổ chức tín dụng khác:

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN đến ngày 30 tháng 9 năm 2021 và theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác như được trình bày ở trên.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Tập đoàn và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Tập đoàn giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư, chiết khấu chứng từ có giá,....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Tập đoàn còn cho vay tín chấp.

Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN đến ngày 30 tháng 09 năm 2021, và theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN từ ngày 01 tháng 10 năm 2021. Tập đoàn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 03 năm 2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 09 năm 2021 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Tập đoàn mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Tập đoàn phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro, ngoại trừ số dư nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN còn trong hạn thời hạn cơ cấu lại, Tập đoàn không áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Khi Tập đoàn tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TTNHNN, Tập đoàn sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng ("CIC") cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ hàng tháng. Trường hợp nợ của khách hàng được Tập đoàn phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Tập đoàn phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay khách hàng

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ dự phòng áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	0%
Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	5%
Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	20%
Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	50%
Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	100%

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối quý của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày cuối quý hoặc cuối tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo. Giá trị và tỷ lệ khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Tập đoàn và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với các khoản nợ của các khách hàng khác phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Tập đoàn. Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TTNHNN thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Tập đoàn sau khi đã xem xét thấy mọi nỗ lực cần thiết để thu hồi khoản nợ, bao gồm cả các hành động pháp lý đều không có kết quả.

Tập đoàn chuyển khoản nợ được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng.

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận chứng khoán đầu tư

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch và chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng chứng khoán đầu tư cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc,



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Tập đoàn đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận chuyển	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

Các tài sản có khác

Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản, sửa chữa trụ sở, xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn.

Các tài sản Có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm cuối năm tài chính.

Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Ngân hàng phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 07 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các TCTD, Tập đoàn phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Tập đoàn.

Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Tập đoàn thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo đối ngoại bằng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Tập đoàn thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong năm.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp dồn tích.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Tập đoàn Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	975.244	640.434
Tiền mặt bằng ngoại tệ	71.371	115.498
Cộng	1.046.615	755.932

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	3.007.395	3.465.268
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1.747.651	35.727
Cộng	4.755.046	3.500.995



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	8.624.587	3.850.698
<i>Bảng VND</i>	<i>7.102.790</i>	<i>2.428.711</i>
<i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>1.521.797</i>	<i>1.421.987</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	20.461.140	8.061.249
<i>Bảng VND</i>	<i>13.126.290</i>	<i>5.948.515</i>
<i>Bảng ngoại tệ</i>	<i>7.334.850</i>	<i>2.112.734</i>
Cộng	29.085.727	11.911.947

Cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các TCTD khác	786.790	-
<i>Bảng VND</i>	<i>786.790</i>	<i>-</i>
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Cộng	786.790	-

Phân tích chất lượng nợ vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, tất cả các khoản tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác đều được phân loại là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá hối đoái tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ (theo tỷ giá hối đoái tại ngày cuối năm)
Số cuối năm		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)	5.467.186	6.036
Cộng	5.467.186	6.036
Số đầu năm		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)	-	-
Cộng	-	-

5. Cho vay khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	38.380.230	34.699.595
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	7.109	16.352
Các khoản trả thay khách hàng	-	250
Cộng	38.387.339	34.716.197

Phân tích chất lượng nợ vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	37.454.982	32.694.510
Nợ cần chú ý	206.181	138.883
Nợ dưới tiêu chuẩn	98.389	51.165
Nợ nghi ngờ	95.906	49.953
Nợ có khả năng mất vốn	531.881	1.781.686
Cộng	38.387.339	34.716.197



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	29.245.568	20.921.172
Nợ trung hạn	2.588.080	5.172.107
Nợ dài hạn	6.553.691	8.622.918
Cộng	38.387.339	34.716.197

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hộ kinh doanh và cá nhân	26.124.777	26.135.172
Công ty trách nhiệm hữu hạn	7.231.663	4.637.689
Công ty cổ phần	5.027.576	3.914.060
Doanh nghiệp tư nhân	3.323	29.276
Cộng	38.387.339	34.716.197





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	11.215.740	9.649.677
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.407.912	7.514.497
Hoạt động dịch vụ khác	11.981.882	8.642.776
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	3.362.115	3.338.633
Hoạt động đầu tư	487.400	1.967.544
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	2.049.933	1.894.865
Xây dựng	983.802	301.010
Vận tải kho bãi	653.914	697.953
Công nghiệp chế biến, chế tạo	23.184	392.893
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	203.287	299.712
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	3.035	1.310
Thông tin và truyền thông	422	837
Giáo dục và đào tạo	10.805	11.152
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.800	1.780
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	524	974
Khai khoáng	500	500
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	84	84
Cộng	38.387.339	34.716.197



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Năm nay		
Số đầu năm nay	(234.686)	(58.467)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(25.943)	(55.704)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	7.984
Số dư cuối năm nay	(260.629)	(106.187)
Năm trước		
Số đầu năm trước	(242.044)	(53.944)
Dự phòng rủi ro (trích lập)/hoàn nhập trong năm trước	7.358	(4.948)
Sử dụng dự phòng trong năm trước	-	425
Số cuối năm trước	(234.686)	(58.467)
Chi tiết số dư dự phòng		
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chung	(260.629)	(234.686)
Dự phòng cụ thể	(106.187)	(58.467)
Cộng	(366.816)	(293.153)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Chứng khoán đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.641.483	-
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Chứng khoán chính phủ	447.176	-
• Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	400.000	-
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	794.307	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(5.956)	-
Dự phòng chung	(5.956)	-
Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.635.527	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ ⁽ⁱ⁾	5.152.133	3.281.781
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	300.000	100.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.452.133	3.381.781
Cộng chứng khoán đầu tư	7.087.660	3.381.781

⁽ⁱ⁾ Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 1.469.000 triệu VND (số đầu năm là 12.000 triệu VND) được Tập đoàn cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở (xem thuyết minh số IX.5).

Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	(5.956)	-
Số dư cuối năm	(5.956)	-

8. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát ⁽ⁱ⁾	-	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá ⁽ⁱⁱ⁾	(5.956)	-
Cộng	(5.956)	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

⁽ⁱ⁾ Ngày 14 tháng 04 năm 2021 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát.

⁽ⁱⁱ⁾ Ngày 15 tháng 07 năm 2021 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	728.975	73.060	123.353	122.150	24.202	1.071.740
Mua trong năm	84	236	-	210	32	562
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	3.919	3.470	-	7.389
Thanh lý, nhượng bán	(299)	(212)	(414)	-	(202)	(1.127)
Phân loại lại	728	79	-	-	-	807
Số cuối năm	729.488	73.163	126.858	125.830	24.032	1.079.371
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.071	9.236	26.321	30.066	8.271	78.965

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	132.961	30.996	76.095	76.309	13.443	329.804
Khấu hao trong năm	28.665	6.066	10.168	11.914	1.209	58.022
Thanh lý, nhượng bán	(299)	(212)	(414)	-	(202)	(1.127)
Phân loại lại	171	-	-	-	-	171
Số cuối năm	161.498	36.850	85.849	88.223	14.450	386.870

Giá trị còn lại

Số đầu năm	596.014	42.064	47.258	45.841	10.759	741.936
Số cuối năm	567.990	36.313	41.009	37.607	9.582	692.501
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	710.761	90.611	9.659	811.031
Mua trong năm	-	7.639	1.032	8.671
Thanh lý	(23.666)	-	-	(23.666)
Phân loại lại	(808)	-	-	(808)
Số cuối năm	686.287	98.250	10.691	795.228
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	44.982	5.474	50.456
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.011	61.448	6.723	75.182
Khấu hao trong năm	1.822	6.824	804	9.450
Phân loại lại	(171)	-	-	(171)
Số cuối năm	8.662	68.272	7.527	84.461
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	703.750	29.163	2.936	735.849
Số cuối năm	677.625	29.978	3.164	710.767
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



11. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽¹⁾	7.857	10.951
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.822	3.822
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	15.408	15.718
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	50.919	50.826
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn	480.171	99.329
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	8.739	8.826
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8	-
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	9.985	10.954
Phải thu từ bán tài sản cố định dở dang	56.381	66.381
Khoản phải thu từ bán tài sản đảm bảo của khách hàng vay	5.585	45.431
Phải thu khác	38.619	35.811
Cộng	677.494	348.049

⁽¹⁾ Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cửa	4.155	4.126
Phần mềm máy vi tính	2.719	6.825
Máy móc thiết bị	983	-
Cộng	7.857	10.951



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	10.386	3.666
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	120.505	55.845
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	524.333	1.006.898
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	164	-
Cộng	655.388	1.066.409

13. Tài sản có khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	295.527	337.241
Công cụ và dụng cụ	2.718	5.236
Chi hộ các tổ chức tín dụng khác	466	1.052
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	16.258	29.130
Tài sản có khác	10.970	32.990
Cộng	325.939	405.649

14. Tiền gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>25.772.472</i>	<i>9.075.755</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	7.041.292	2.444.820
Bằng VND	7.041.292	2.444.820
Tiền gửi có kỳ hạn	18.731.180	6.630.935
Bằng VND	13.018.680	3.098.165
Bằng ngoại tệ	5.712.500	3.532.770
Vay các TCTD khác	58.322	77.847
Vay các TCTD khác bằng VND	57.526	76.977
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	796	870
Cộng	25.830.794	9.153.602



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	7.949.405	1.356.564
Bằng VND	7.904.259	1.286.430
Bằng ngoại tệ	45.146	70.134
Tiền gửi có kỳ hạn	3.797.222	2.321.453
Bằng VND	3.797.222	2.321.453
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	29.969	52.536
Bằng VND	25.470	8.441
Bằng ngoại tệ và vàng	4.499	44.095
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	39.607.262	38.269.539
Bằng VND	39.523.124	37.958.581
Bằng ngoại tệ và vàng	84.138	310.958
Tiền ký quỹ	13.747	17.605
Bằng VND	12.600	15.330
Bằng ngoại tệ	1.147	2.275
Cộng	51.397.605	42.017.697

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	10.418.373	2.878.176
Công ty cổ phần	8.393.978	1.263.897
Công ty trách nhiệm hữu hạn	937.314	590.883
Doanh nghiệp tư nhân	15.205	2.723
Các đơn vị khác	1.071.876	1.020.673
Tiền gửi của cá nhân	40.979.232	39.139.521
Cộng	51.397.605	42.017.697



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	998.963	987.824
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	27.498	30.566
Lãi phải trả cho tiền vay	54	63
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	1.396	-
Cộng	1.027.911	1.018.453

17. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	76.179	12.508
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	27.184	-
Các khoản chờ thanh toán khác	431.941	227.599
Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾	10.124	1.096
Chuyển tiền phải trả	3.715	2.498
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	18.359	15.172
Phải trả khác	19.259	15.190
Cộng	586.761	274.063

⁽ⁱ⁾ Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	1.096	12.037
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	9.028	-
Chi quỹ	-	(10.941)
Số cuối năm	10.124	1.096



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. Vốn và quỹ của Tập đoàn

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.236.958	(34.200)	261.423	327.673	3.791.854
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	126.318	126.318
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	-	-	10.150	(10.150)	-
Số dư cuối năm trước	3.236.958	(34.200)	271.573	443.841	3.918.172
Số dư đầu năm nay	3.236.958	(34.200)	271.573	443.841	3.918.172
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	770.273	770.273
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	18.948	(18.948)	-
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	415.861	-	-	(415.861)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.028)	(9.028)
Số dư cuối năm nay	3.652.819	(34.200)	290.521	770.277	4.679.417



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	365.281.878	323.695.796
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365.281.878	323.695.796
• Cổ phiếu phổ thông	365.281.878	323.695.796
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
• Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	361.481.878	319.895.796
• Cổ phiếu phổ thông	361.481.878	319.895.796
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các quỹ dự trữ của Tập đoàn

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.832	236.588	3	261.423
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	3.383	6.767	-	10.150
Số dư cuối năm trước	28.215	243.355	3	271.573
Số dư đầu năm nay	28.215	243.355	3	271.573
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	6.316	12.632	-	18.948
Số dư cuối năm nay	34.531	255.987	3	290.521

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	87.932	101.643
Thu lãi cho vay	5.114.354	3.741.155
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	195.543	72.186
Thu lãi từ bảo lãnh	2.641	1.687
Thu khác từ hoạt động tín dụng	48.669	15.940
Cộng	5.449.139	3.932.611

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	2.756.110	2.691.786
Trả lãi tiền vay	3.051	17.043
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	39.632	104.376
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	719.386	166.977
Cộng	3.518.179	2.980.182

3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	273.173	103.453
Thu từ dịch vụ thanh toán	35.398	39.361
Thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	7.436	9.234
Thu từ dịch vụ thẩm định tài sản	19.502	21.776
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	964	969
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	35.437	27.109
Thu từ dịch vụ tư vấn	164.673	-
Thu khác	9.763	5.004
Chi phí hoạt động dịch vụ	17.523	16.474
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	13.840	13.738
Chi về dịch vụ tư vấn	1.614	-
Chi về dịch vụ khác	2.069	2.736
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	255.650	86.979



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm nay	Năm trước
Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối	147.813	129.746
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	108.772	92.973
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	39.041	36.773
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	119.539	104.509
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	8.681	13.408
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	110.858	91.101
Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	28.274	25.237

5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	72.945	77.167
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	(3.252)	-
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(5.956)	-
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	63.737	77.167

6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	55.444	107.366
Thu từ bán tài sản gán nợ	18.218	56.783
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	32.685	40.666
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	4.541	9.917
Chi phí hoạt động khác	16.911	8.791
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	13.014	4.940
Chi phí khác	3.897	3.851
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	38.533	98.575

7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được từ đầu tư dài hạn khác	1.709	891
Cộng	1.709	891



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	16.046	19.207
Chi phí cho nhân viên	761.402	627.372
<i>Trong đó:</i>		
Chi lương và phụ cấp	680.024	544.978
Các khoản chi đóng góp theo lương	50.766	47.718
Chi phí khác cho nhân viên	30.612	34.676
Chi về tài sản	205.471	207.814
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.472	68.417
Chi phí thuê tài sản	70.435	63.003
Chi sửa chữa, bảo trì	52.141	58.208
Chi mua sắm công cụ lao động	15.196	17.571
Chi phí khác	227	615
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	158.518	183.378
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	23.483	40.222
Công tác phí	2.976	3.586
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	33.415	34.961
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	39.175	32.082
Chi phí đào tạo	191	546
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	49.592	62.797
Chi phí khác	9.686	9.184
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	60.595	47.707
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng	25.179	-
Cộng	1.227.211	1.085.478



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	770.273	126.318
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽¹⁾	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	770.273	126.318
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	326.731.854	319.895.796
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.358	395

⁽¹⁾ Tập đoàn chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn thông qua.

Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Năm nay	Năm trước
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.046.615	755.932
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.755.046	3.500.995
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	9.411.377	3.850.698
Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	20.461.140	8.061.249
Cộng	35.674.178	16.168.874



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Năm nay	Năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.306	3.229
Thu nhập của nhân viên		
Tổng quỹ lương	610.417	506.241
Tiền thưởng	69.607	49.678
Tổng thu nhập	680.024	555.919
Tiền lương bình quân/tháng	15	13
Thu nhập bình quân/tháng	17	14

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Năm nay	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT	2.413	27.909	(26.548)	3.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.007	241.038	(178.957)	69.088
Các loại thuế khác	3.088	40.504	(40.275)	3.317
Cộng	12.508	309.451	(245.780)	76.179

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Kiên Long	239.651	121.651
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long	1.387	10.241
Cộng	241.038	31.892



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Tập đoàn nộp theo các quy định hiện hành.

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản	61.386.087	57.826.233
Máy móc và thiết bị	451.033	513.557
Phương tiện vận tải	1.325.960	1.485.531
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	224.250	2.757.508
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế khác	2.946.538	2.078.874
Sổ tiết kiệm	6.789.952	5.355.602
Tài sản khác	12.193.968	78.442
Cộng	85.317.788	70.095.747

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	9.042	50.362
Giá trị theo hợp đồng	13.025	58.567
Trừ: Tiền ký quỹ	(3.983)	(8.205)
Bảo lãnh khác	334.284	186.245
Giá trị theo hợp đồng	337.073	187.750
Trừ: Tiền ký quỹ	(2.789)	(1.505)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong năm nay là 26.017 triệu VND (năm trước là 15.946 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	253	16
Thù lao	13.135	7.283
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi tiền gửi	17	245
Tiền lương và thưởng	12.308	8.260
Thành viên Ban kiểm soát		
Chi phí lãi tiền gửi	-	26
Thù lao	3.397	1.960
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	5.171	394
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi tiền gửi	3.762	1.301
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát		
Chi phí lãi tiền gửi	159	84
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:		
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	3.829	5.841
Lãi phải trả	3	2



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm nay	Năm trước
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	16.732	4.004
Lãi phải trả	4	47
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền gửi	220	107
Lãi phải trả	-	392
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	2.183.829	10.626
Lãi phải trả	1.363	63
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	2.731.799	16.752
Lãi phải trả	1.095	724
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát		
Tiền gửi	1.808	1.850
Lãi phải trả	20	66
Cộng nợ phải trả	4.940.702	40.474

6. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Chứng khoán đầu tư
Số cuối năm	73.014.902	77.228.399	300.000	350.098	7.093.616
Trong nước	73.014.902	77.228.399	300.000	350.098	7.093.616
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Số đầu năm	50.129.139	51.171.299	900.000	246.317	3.381.781
Trong nước	50.129.139	51.171.299	900.000	246.317	3.381.781
Nước ngoài	-	-	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi tất cả các bộ phận theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Tập đoàn hỗ trợ thực hiện công tác hoạt động rủi ro hàng ngày tại Tập đoàn dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, Bộ phận quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro và các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Tập đoàn.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Tập đoàn không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Tập đoàn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Tập đoàn sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Bảng cân đối kế toán giữa cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Bảng cân đối kế toán hợp nhất		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.755.046	3.500.995
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	29.872.517	11.911.947
Cho vay khách hàng – gộp	38.387.339	34.716.197
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – gộp	7.093.616	3.381.781
Các khoản lãi, phí phải thu	655.388	1.066.409
Các tài sản tài chính khác – gộp	603.302	270.554
Cộng	81.367.208	54.847.883
Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	13.025	58.567
Bảo lãnh khác – gộp	337.073	187.750
Cộng	350.098	246.317

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Tập đoàn thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lịch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Tập đoàn, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Tập đoàn.



Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày đáo hạn:

	Trong hạn							
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.046.615	-	-	-	-	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046	-	-	-	-	4.755.046
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097	2.045.420	-	-	-	29.872.517
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036	-	-	-	-	6.036
Cho vay khách hàng (*)	726.176	206.181	4.100.238	4.583.948	13.483.129	8.759.677	6.527.990	38.387.339
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	150.000	150.000	1.194.307	5.599.309	7.093.616
Tài sản cố định	-	-	607.663	10	3.582	58.463	733.550	1.403.268
Các tài sản có khác (*)	54.510	-	655.388	950.229	-	-	-	1.660.127
Tổng tài sản	780.686	206.181	38.998.083	7.729.607	13.636.711	10.012.447	12.860.849	84.224.564
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002	2.046.898	33.498	15.000	8.396	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.344.960	11.677.946	20.547.527	1.826.319	853	51.397.605
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.614.672	-	-	-	-	1.614.672
Tổng nợ phải trả	-	-	42.686.634	13.724.844	20.881.025	1.841.319	9.249	79.143.071
Chênh lệch thanh khoản ròng	780.686	206.181	(3.688.551)	(5.995.237)	(7.244.314)	8.171.128	12.851.600	5.081.493

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày đáo hạn:

	Trong hạn							
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	755.932	-	-	-	-	755.932
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	3.500.995	-	-	-	-	3.500.995
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	10.026.937	1.885.010	-	-	-	11.911.947
Cho vay khách hàng (*)	1.882.803	138.883	3.094.329	2.955.062	13.168.168	6.082.329	7.394.623	34.716.197
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	109.997	-	3.271.784	3.381.781
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	14.521	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	608.173	42	864	65.705	803.001	1.477.785
Các tài sản có khác (*)	-	-	1.066.409	753.698	-	-	-	1.820.107
Tổng tài sản	1.882.803	138.883	19.052.775	5.593.812	13.279.029	6.148.034	11.483.929	57.579.265
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	7.208.245	1.875.392	11.568	49.925	8.472	9.153.602
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.741.786	9.351.780	21.327.493	2.595.775	863	42.017.697
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	600.000	300.000	-	900.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.292.516	-	-	-	-	1.292.516
Tổng nợ phải trả	-	-	17.242.547	11.227.172	21.939.061	2.945.700	9.335	53.363.815
Chênh lệch thanh khoản ròng	1.882.803	138.883	1.810.228	(5.633.360)	(8.660.032)	3.202.334	11.474.594	4.215.450

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Rủi ro thị trường

Tập đoàn chịu các rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Tập đoàn đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn,...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Tập đoàn đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Tập đoàn có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



KienlongBank 

BỨT PHÁ
KỶ NGUYÊN SỐ

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

					Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	1.046.615	-	-	-	-	-	-	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046	-	-	-	-	-	4.755.046
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097	2.045.420	-	-	-	-	29.872.517
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036	-	-	-	-	-	6.036
Cho vay khách hàng (*)	932.357	-	4.100.238	4.583.948	5.299.743	8.183.386	8.759.677	6.527.990	38.387.339
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	150.000	-	150.000	1.194.307	5.599.309	7.093.616
Tài sản cố định	-	1.403.268	-	-	-	-	-	-	1.403.268
Các tài sản có khác (*)	54.510	1.605.617	-	-	-	-	-	-	1.660.127
Tổng tài sản	986.867	4.055.500	36.688.417	6.779.368	5.299.743	8.333.386	9.953.984	12.127.299	84.224.564
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002	2.046.898	26.465	7.033	15.000	8.396	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.344.960	11.677.946	10.328.911	10.218.616	1.826.319	853	51.397.605
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	1.614.672	-	-	-	-	-	-	1.614.672
Tổng nợ phải trả	-	1.614.672	41.071.962	13.724.844	10.355.376	10.525.649	1.841.319	9.249	79.143.071
Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng	986.867	2.440.828	(4.383.545)	(6.945.476)	(5.055.633)	(2.192.263)	8.112.665	12.118.050	5.081.493

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	755.932	-	-	-	-	-	-	755.932
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	3.500.995	-	-	-	-	-	3.500.995
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	10.026.937	1.885.010	-	-	-	-	11.911.947
Cho vay khách hàng (*)	2.021.686	-	3.094.329	2.955.062	4.357.655	8.810.513	6.082.329	7.394.623	34.716.197
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	109.997	-	3.271.784	3.381.781
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	14.521	-	-	-	-	-	-	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.477.785	-	-	-	-	-	-	1.477.785
Các tài sản có khác (*)	-	1.820.107	-	-	-	-	-	-	1.820.107
Tổng tài sản	2.021.686	4.068.345	16.622.261	4.840.072	4.357.655	8.920.510	6.082.329	10.666.407	57.579.265
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	7.208.245	1.875.392	9.697	1.871	49.925	8.472	9.153.602
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.741.786	9.351.780	9.539.330	11.788.163	2.595.775	863	42.017.697
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	300.000	300.000	300.000	-	900.000
Các khoản nợ khác	-	1.292.516	-	-	-	-	-	-	1.292.516
Tổng nợ phải trả	-	1.292.516	15.950.031	11.227.172	9.849.027	12.090.034	2.945.700	9.335	53.363.815
Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng	2.021.686	2.775.829	672.230	(6.387.100)	(5.491.372)	(3.169.524)	3.136.629	10.657.072	4.215.450

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Tập đoàn sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra Tập đoàn còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	64.641	2.248	4.482	71.371
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.747.650	-	-	1.747.650
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	8.821.021	2.985	819.431	9.643.437
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(5.461.150)	-	-	(5.461.150)
Cho vay khách hàng (*)	201.206	-	-	201.206
Tổng tài sản	5.373.368	5.233	823.913	6.202.514
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	5.713.295	-	-	5.713.295
Tiền gửi của khách hàng	130.847	1.032	50.896	182.775
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	5.844.142	1.032	50.896	5.896.070
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(470.774)	4.201	773.017	306.444
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(470.774)	4.201	773.017	306.444

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	104.151	1.218	10.129	115.498
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	35.727	-	-	35.727
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.526.166	1.867	6.688	3.534.721
Cho vay khách hàng (*)	263.215	-	-	263.215
Tổng tài sản	3.929.259	3.085	16.817	3.949.161
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.533.640	-	-	3.533.640
Tiền gửi của khách hàng	419.471	452	7.539	427.462
Các khoản nợ khác	226	-	-	226
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.953.337	452	7.539	3.961.328
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(24.078)	2.633	9.278	(12.167)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(24.078)	2.633	9.278	(12.167)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 1.469.000 triệu VND (số đầu năm là 12.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.7).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Tập đoàn chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.046.615	-	755.932	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.755.046	-	3.500.995	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	29.872.517	-	11.911.947	-
Cho vay khách hàng	38.387.339	(366.816)	34.716.197	(293.153)
Chứng khoán đầu tư	7.093.616	(5.956)	3.381.781	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	14.521	-
Các khoản lãi, phí phải thu	655.388	-	1.066.409	-
Các tài sản có khác	603.302	(29.304)	270.554	(4.125)
Cộng	82.419.859	(402.076)	55.618.336	(297.278)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi và vay các TCTD khác	25.830.794	9.153.602
Tiền gửi của khách hàng	51.397.605	42.017.697
Phát hành giấy tờ có giá	300.000	900.000
Các khoản lãi, phí phải trả	1.027.911	1.018.453
Các khoản nợ khác	473.274	260.459
Cộng	79.029.584	53.350.211

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng					
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước				
I. Thu nhập	628.603	448.883	787.415	699.047	5.444.112	4.027.290	(859.907)	(823.986)	6.000.223	4.351.234
1. Thu nhập lãi	587.949	441.507	741.766	682.661	4.979.331	3.632.429	(859.907)	(823.986)	5.449.139	3.932.611
Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài	344.656	158.732	597.184	624.563	4.507.299	3.149.316	-	-	5.449.139	3.932.611
Thu nhập lãi nội bộ	243.293	282.775	144.582	58.098	472.032	483.113	(859.907)	(823.986)	-	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	37.897	3.810	44.372	12.765	190.904	86.878	-	-	273.173	103.453
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	2.757	3.566	1.277	3.621	273.877	307.983	-	-	277.911	315.170
II. Chi phí	453.766	402.017	689.945	602.605	4.624.767	4.014.798	(859.907)	(823.986)	4.908.571	4.195.434
1. Chi phí lãi	376.135	346.419	525.417	452.933	3.476.534	3.004.816	(859.907)	(823.986)	3.518.179	2.980.182
Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	356.457	327.656	479.949	410.273	2.681.773	2.242.253	-	-	3.518.179	2.980.182
Chi phí lãi từ nội bộ	19.678	18.763	45.468	42.660	794.761	762.563	(859.907)	(823.986)	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	983	1.024	8.155	7.978	58.334	59.415	-	-	67.472	68.417
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	76.648	54.574	156.373	141.694	1.089.899	950.567	-	-	1.322.920	1.146.835
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	174.837	46.866	97.470	96.442	819.345	12.492	-	-	1.091.652	155.800
Chi phí dự phòng rủi ro	27.375	186	7.271	662	47.001	(3.258)	-	-	81.647	(2.410)
Kết quả kinh doanh bộ phận	147.462	46.680	90.199	95.780	772.344	15.750	-	-	1.010.005	158.210

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Nam				Điều chỉnh		Cộng			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
I. Tài sản	5.241.749	2.173.180	6.434.940	5.884.382	72.145.799	49.224.425	-	-	83.822.488	57.281.987
1. Tiền mặt	99.638	92.223	177.990	128.847	768.987	534.862	-	-	1.046.615	755.932
2. Tài sản cố định	3.488	3.598	250.264	256.846	1.149.516	1.217.341	-	-	1.403.268	1.477.785
3. Tài sản khác	5.138.623	2.077.359	6.006.686	5.498.689	70.227.296	47.472.222	-	-	81.372.605	55.048.270
II. Nợ phải trả	12.186.420	5.051.102	7.518.534	6.585.282	59.438.117	41.727.431	-	-	79.143.071	53.363.815
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	12.184.206	5.050.135	7.516.765	6.583.580	58.855.339	41.456.037	-	-	78.556.310	53.089.752
2. Nợ phải trả khác	2.214	967	1.769	1.702	582.778	271.394	-	-	586.761	274.063

KienlongBank 

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản.

Kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Năm nay				
Thu nhập	5.966.300	59.208	(25.285)	6.000.223
Chi phí	4.889.612	58.419	(25.285)	4.922.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.087	385	-	67.472
Lợi nhuận trước thuế	1.009.601	404	-	1.010.005
Năm trước				
Thu nhập	4.268.980	266.352	(184.098)	4.351.234
Chi phí	4.304.343	4.362	(184.098)	4.124.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	67.534	883	-	68.417
Lợi nhuận trước thuế	(102.897)	261.107	-	158.210

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Số cuối năm	84.055.630	531.568	(764.710)	83.822.488
Tài sản bộ phận	79.399.528	8.253	(264.710)	79.143.071
Nợ phải trả bộ phận				
Số đầu năm	57.472.200	564.120	(754.333)	57.281.987
Tài sản bộ phận	53.611.832	6.316	(254.333)	53.363.815
Nợ phải trả bộ phận				

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	57.461	64.409
Trong vòng 2 đến 5 năm	175.780	202.062
Trên 5 năm	51.099	85.808
Cộng	284.340	352.279

XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Rạch Giá, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
		
Thị Duyên Kế toán viên	Phạm Thị Mỹ Chi Kế toán trưởng	Trần Ngọc Minh Tổng Giám đốc



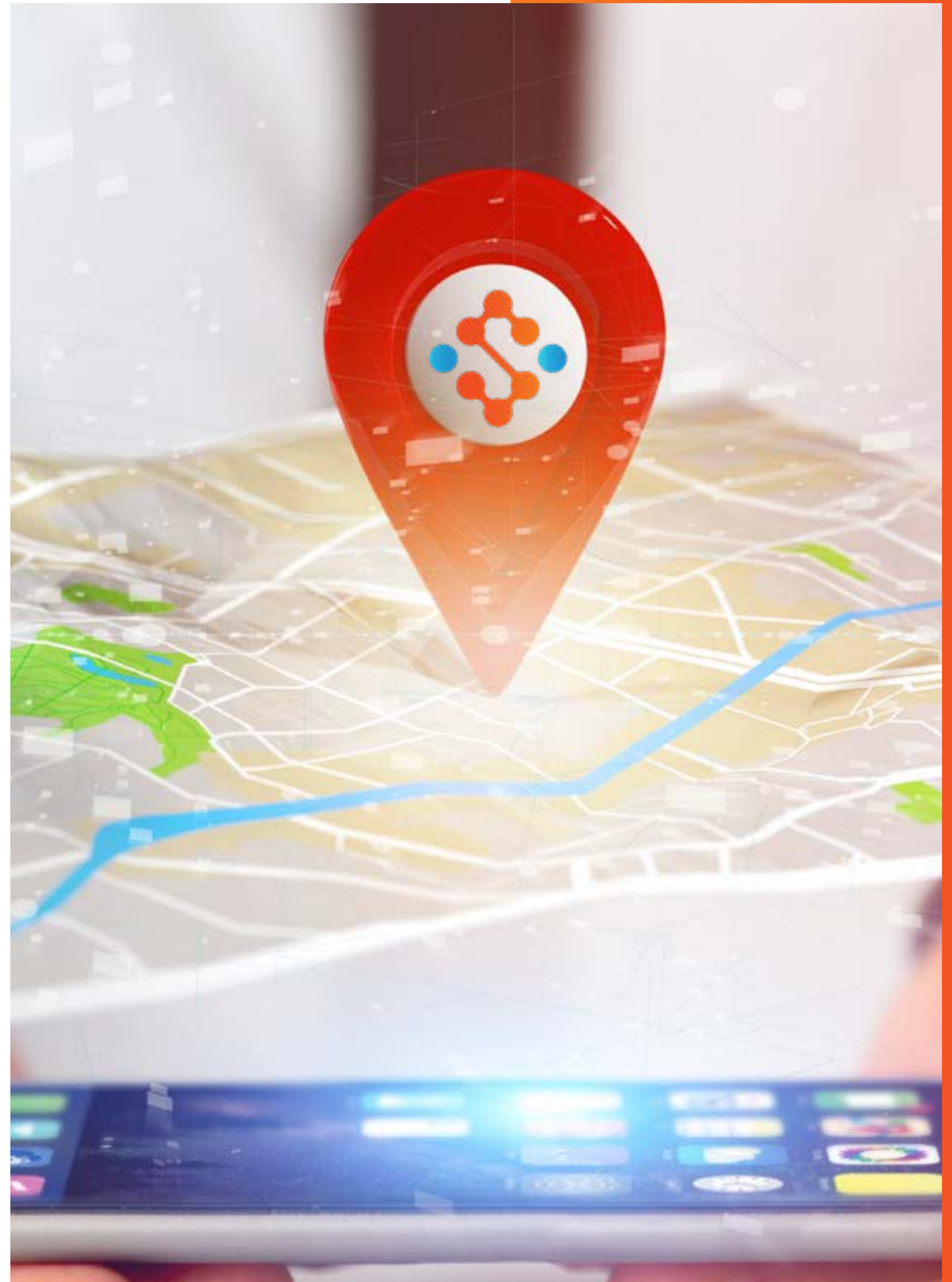
STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
1	HỘI SỞ	Số 40 - 42 - 44 Phạm Hồng Thái, P. Vinh Thanh Văn, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 3869 950	kienlong@kienlongbank.com
2	CHI NHÁNH HÀ NỘI	Số 198 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024. 3933 4745	hanoi@kienlongbank.com
3	Phòng Giao dịch Tây Hồ	Tầng 1 - Tầng 2, Toà nhà R2, Dự án Sunshine Riverside, KĐT Nam Thăng Long, P. Phú Thượng, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024. 3627 5755	tayho.hn@kienlongbank.com
4	Phòng Giao dịch Phạm Hùng	Tầng 1 - Tầng 2 - Tầng 6, Dự án Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3514 8767	phamhung.hn@kienlongbank.com
5	Phòng Giao dịch Ba Đình	Số 17 Phố Hàng Bún, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024. 3927 4816	badinh.hn@kienlongbank.com
6	Phòng Giao dịch Đống Đa	Tầng 1 - Tầng 2, Toà S5-6, Dự án Sunshine City Hà Nội, Khu đô thị Nam Thăng Long, P. Đồng Ngạc và P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3259 5545	dongdo.hn@kienlongbank.com
7	CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	Số 87 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225. 361 1245	haiphong@kienlongbank.com
8	Phòng Giao dịch Lạch Tray	Số 227 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225. 384 5968	lachtray.hp@kienlongbank.com
9	Phòng Giao dịch Ngô Quyền	Số 263 Đà Nẵng, P. Cầu Tre, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225. 356 8406	ngoquyen.hp@kienlongbank.com
10	Phòng Giao dịch Trần Nguyên Hân	Số 167E Trần Nguyên Hân, P. Trần Nguyên Hân, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225. 371 9358	trannguyenhan.hp@kienlongbank.com
11	Phòng Giao dịch Kiến An	Số 25 Trần Nhân Tông, P. Quán Trữ, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng	0225. 354 5959	kienan.hp@kienlongbank.com
12	CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	Số 158-160 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236. 625 8989	danang@kienlongbank.com
13	Phòng Giao dịch Cai Lang	Số 420 Lê Duẩn, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236. 364 7976	cailang.dn@kienlongbank.com
14	Phòng Giao dịch Hải Châu	Số 222 Hùng Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236. 387 1122	haichau.dn@kienlongbank.com
15	Phòng Giao dịch Ngũ Hành Sơn	Số 531, Lê Văn Hiến, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	0236. 710 9756	nguhanhson.dn@kienlongbank.com
16	CHI NHÁNH QUẢNG NAM	Số 163 Trần Nhân Tông, P. Vinh Điện, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam	0235. 366 6499	quangnam@kienlongbank.com
17	CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH	Số 98 Phạm Hùng, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	0256. 382 5566	binhdinh@kienlongbank.com
18	Phòng Giao dịch An Nhơn	Số 254 Ngô Gia Tự, P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	0256. 363 5356	annhon.bdi@kienlongbank.com
19	Phòng Giao dịch Tam Quan	Số 327-329 Quốc lộ 1A, TT. Tam Quan, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	0256. 356 5566	tamquan.bdi@kienlongbank.com
20	CHI NHÁNH PHÚ YÊN	Số 97 Nguyễn Trãi, P.4, TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên	0257. 382 9393	phuyen@kienlongbank.com
21	Phòng Giao dịch Sông Cầu	Số 08 Nguyễn Huệ, P. Xuân Phú, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	0257. 369 9699	songcau.py@kienlongbank.com
22	Phòng Giao dịch Sơn Hòa	Số 173 Trần Phú, TT. Củng Sơn, H. Sơn Hòa, T. Phú Yên	0257. 386 4864	sonhoa.py@kienlongbank.com
23	Phòng Giao dịch Tuy An	Số 30 Lê Thành Phương, TT. Chí Thạnh, H. Tuy An, T. Phú Yên	0257. 386 6679	tuyan.py@kienlongbank.com
24	CHI NHÁNH KHÁNH HÒA	Số 54A Yersin, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 356 3446	khanhhoa@kienlongbank.com
25	Phòng Giao dịch Diên Khánh	Số 140 Lạc Long Quân, TT. Diên Khánh, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	0258. 375 3111	dienkhanh.kh@kienlongbank.com
26	Phòng Giao dịch Vĩnh Hải	Số 420 đường 2/4, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 354 1133	vinhhai.kh@kienlongbank.com
27	Phòng Giao dịch Ninh Hoà	Số 523A Trần Quý Cáp, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	0258. 363 5863	ninhhoa.kh@kienlongbank.com
28	Phòng Giao dịch Cam Ranh	Số 72-74 đường 22/8, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	0258. 395 6767	camranh.kh@kienlongbank.com
29	Phòng Giao dịch Bình Tân	Số 260 Đà Tượng, P. Vinh Nguyên, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 388 3777	binhtan.kh@kienlongbank.com
30	Phòng Giao dịch Vạn Ninh	Số 260 - 270 Hùng Vương, TT. Vạn Giã, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	0258 391 3891	vanninh.kh@kienlongbank.com
31	CHI NHÁNH ĐẮK LẮK	Số 146 Hoàng Diệu, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	0262. 384 3236	daklak@kienlongbank.com
32	Phòng Giao dịch Tân Lập	Đường 10/3, Thôn 2, X. Cư Êbur, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	0262. 387 5353	tanlap.dl@kienlongbank.com
33	Phòng Giao dịch Cư Kuin	Đội 4 Quốc lộ 27, Buôn Eakmar, X. Ea Hók, H. Cư Kuin, T. Đắk Lắk	0262. 365 5666	cukuin.dl@kienlongbank.com
34	Phòng Giao dịch Buôn Hồ	Số 498 - 500 Hùng Vương, P. An Bình, TX. Buôn Hồ, T. Đắk Lắk	0262. 355 5536	buonho.dl@kienlongbank.com
35	CHI NHÁNH LÂM ĐỒNG	Số 394 Quốc lộ 20, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T. Lâm Đồng	0263. 366 8833	lamdong@kienlongbank.com
36	CHI NHÁNH BÌNH THUẬN	Số 384 Trần Hưng Đạo, P. Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0252. 373 0888	binhthuan@kienlongbank.com
37	Phòng Giao dịch Lagi	Số 168 Lê Lợi, P. Phước Hội, TX. La Gi, T. Bình Thuận	0252. 373 0891	lagi.bth@kienlongbank.com
38	Phòng Giao dịch Hàm Tiến	Số 283 Huỳnh Thúc Kháng, P. Mũi Né, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0252. 373 0894	hamtien.bth@kienlongbank.com
39	Phòng Giao dịch Bắc Bình	Số 8, đường 18 tháng 4, TT. Chợ Lầu, H. Bắc Bình, T. Bình Thuận	0252. 373 0899	bacbinh.bth@kienlongbank.com
40	CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	Số 184 Hà Huy Giáp, Kp. 1, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	0251. 391 8606	dongnai@kienlongbank.com
41	Phòng Giao dịch Long Khánh	Số 302-304 đường Hùng Vương, P. Xuân Bình, TP. Long Khánh, T. Đồng Nai	0251. 387 9998	longkhanh.dna@kienlongbank.com
42	Phòng Giao dịch Long Thành	111 đường Lê Duẩn, X. Long Đức, H. Long Thành, T. Đồng Nai	0251. 352 9029	longthanh.dna@kienlongbank.com

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
43	CHI NHÁNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Số 26A-28-30 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Hương Tân, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 373 7989	bariavungtau@kienlongbank.com
44	Phòng Giao dịch Phú Mỹ	Số 298 Độc Lập, P. Phú Mỹ, TX. Phú Mỹ, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 389 8188	phumy.brvt@kienlongbank.com
45	Phòng Giao dịch Vũng Tàu	Số 234 Lê Hồng Phong, P.4, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 362 1621	vungtau.brvt@kienlongbank.com
46	Phòng Giao dịch Long Điền	Số 141 Võ Thị Sáu, TT. Long Hải, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 386 8687	longdien.brvt@kienlongbank.com
47	CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG	Số 242 Yersin, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương	0274. 387 2742	binhduong@kienlongbank.com
48	Phòng Giao dịch Lái Thiêu	Số A62 Nguyễn Văn Tiết, KP. Đông Tư, P. Lái Thiêu, TP. Thuận An, T. Bình Dương	0274. 379 7273	laitieu.bd@kienlongbank.com
49	Phòng Giao dịch Bến Cát	Số 304 Hùng Vương, Tổ 14, KP. 1, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, T. Bình Dương	0274. 355 7557	bencat.bd@kienlongbank.com
50	Phòng Giao dịch Dĩ An	Số 9/19 KP. Bình Minh I, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	0274. 377 5757	dian.bd@kienlongbank.com
51	CHI NHÁNH TÂY NINH	Số 683 Cách Mạng Tháng Tám, KP.2, P.3, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh	0276. 388 6633	tayninh@kienlongbank.com
52	Phòng Giao dịch Trảng Bàng	Số 18 - 19 Quốc lộ 22, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh	0276. 3883366	trangbang.tn@kienlongbank.com
53	Phòng Giao dịch Châu Thành	Số 1088 Hoàng Lê Kha, KP. 1, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Tây Ninh	0276. 3877977	chauthanh.tn@kienlongbank.com
54	CHI NHÁNH SÀI GÒN	Số 98 - 108A Cách Mạng Tháng 8, P.7, Q.3, TP. HCM	028. 3933 3393	saigon@kienlongbank.com
55	CHI NHÁNH NHÀ BÈ	Số 19 Lô B2, Phần khu 18A, đường Nguyễn Hữu Thọ, X. Phước Kiển, H. Nhà Bè, TP. HCM	028. 3620 1430	nhabe.hcm@kienlongbank.com
56	CHI NHÁNH CÁN GIỜ	312 Rừng Sác, Ấp Bình Thuận, X. Bình Khánh, H. Cán Giờ, TP. HCM	028. 3874 2019	cangio@kienlongbank.com
57	Phòng Giao dịch Bình Tây	Số 34A Hậu Giang, P. 2, Q. 6, TP. HCM	028. 3969 0245	binhtay.hcm@kienlongbank.com
58	Phòng Giao dịch An Lạc	Số 279 - 281 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM	028. 6266 0936	anlach.hcm@kienlongbank.com
59	Phòng Giao dịch Đám Sen	Số 870 Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM	028. 3974 1619	damsen.hcm@kienlongbank.com
60	Phòng Giao dịch Gò Vấp	Số 366A13 - 366A14 Phan Văn Trị, P. 5, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028. 2253 2766	govap.hcm@kienlongbank.com
61	Phòng Giao dịch Ngô Gia Tự	Số 93 Ngô Gia Tự, P. 2, Q. 10, TP. HCM	028. 3833 8361	ngogiatu.hcm@kienlongbank.com
62	Phòng Giao dịch Quận 7	Số 829 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	028. 3775 2004	quan7.hcm@kienlongbank.com
63	Phòng Giao dịch Phú Nhuận	Số 117 - 119 Nguyễn Văn Trỗi, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028. 3845 5668	phunhuan.hcm@kienlongbank.com
64	Phòng Giao dịch Quận 12	Số 166 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông, X. Thới Tam Thôn, H. Hóc Môn, TP. HCM	028. 3718 5557	quan12.hcm@kienlongbank.com
65	Phòng Giao dịch Bà Chiểu	Số 25K Phan Đăng Lưu, P.3, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	028. 3551 1191	bachieu.hcm@kienlongbank.com
66	Phòng Giao dịch Tân Sơn Nhì	Số 65 Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM	028. 3810 3947	tansonni.hcm@kienlongbank.com
67	Phòng Giao dịch Thủ Đức	Số 1168 Kha Vạn Cân, KP. 1, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức	028. 3720 5623	thuduc.hcm@kienlongbank.com
68	Phòng Giao dịch Tăng Thiện Vương	Số 344 Tăng Thiện Vương, P. 13, Q. 8, TP. HCM	028. 3951 6447	tungthienvuong.hcm@kienlongbank.com
69	CHI NHÁNH LONG AN	Đường số 1, KCN Thuận Đạo, TT. Bến Lức, H. Bến Lức, T. Long An	0272. 356 7072	longan@kienlongbank.com
70	Phòng Giao dịch Tân An	Số 50 - 52 Quốc lộ 1 (Tuyến tránh), Khu đô thị TTHC tỉnh, P. 6, TP. Tân An, T. Long An	0272. 364 7878	tanan.la@kienlongbank.com
71	Phòng Giao dịch Đức Hòa	Số 159 - 161 đường Tỉnh lộ 824, tổ 3, Ấp Bình Tân 1, X. Đức Hòa Hạ, H. Đức Hòa, T. Long An	0272. 376 8806	duchoa.la@kienlongbank.com
72	Phòng Giao dịch Cần Giuộc	Số 72A, Quốc lộ 50, Ấp Thuận Đông, X. Thuận Thành, H. Cần Giuộc, T. Long An	0272. 373 2288	cangiuoc.la@kienlongbank.com
73	CHI NHÁNH TIẾN GIANG	Số 300-302-304-306-308 Hùng Vương, Xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang	0273. 397 2222	tiengiang@kienlongbank.com
74	Phòng Giao dịch Cai Lậy	Số 19 Tỉnh lộ 868, Khu 1, P. 1, TX. Cai Lậy, T. Tiền Giang	0273. 377 2222	cailay.tg@kienlongbank.com
75	Phòng Giao dịch Gò Công	Số 5 Nguyễn Trĩ Phương, KP.1, P.2, TX. Gò Công, T. Tiền Giang	0273. 351 1666	gocong.tg@kienlongbank.com
76	Phòng Giao dịch Cái Bè	Số 326A, Kp. 3, TT. Cái Bè, H. Cái Bè, T. Tiền Giang	0273. 392 3458	caibe.tg@kienlongbank.com
77	CHI NHÁNH BẾN TRE	517 Đại lộ Đồng Khởi, P. Phú Khương, TP. Bến Tre, T. Bến Tre	0275. 356 1268	bentre@kienlongbank.com
78	Phòng Giao dịch Bình Đại	Số 60 đường 30/4, KP. 1, TT. Bình Đại, H. Bình Đại, T. Bến Tre	0275. 374 2555	binhdai.bt@kienlongbank.com
79	Phòng Giao dịch Ba Tri	Số 4A Trương Định, KP. 2, TT. Ba Tri, H. Ba Tri, T. Bến Tre	0275. 376 3888	batri.bt@kienlongbank.com
80	Phòng Giao dịch Mỏ Cày Nam	Khu phố 7, TT. Mỏ Cày, H. Mỏ Cày Nam, T. Bến Tre	0275. 366 2888	mocaynam.bt@kienlongbank.com
81	CHI NHÁNH VĨNH LONG	Số 1K-1H đường 30/4, P.1, TP. Vĩnh Long, T. Vĩnh Long	0270. 385 3337	vinhlong@kienlongbank.com
82	Phòng Giao dịch Bình Minh	Số 114 Ngô Quyền, Khóm 1, P. Cái Vồn, TX. Bình Minh, T. Vĩnh Long	0270. 374 1737	binhminh.vl@kienlongbank.com
83	Phòng Giao dịch Trà Ôn	Số 11 đường Lê Văn Duyệt, Khu 2, TT. Trà Ôn, H. Trà Ôn, T. Vĩnh Long	0270. 377 2979	traon.vl@kienlongbank.com
84	Phòng Giao dịch Vũng Liêm	Số 178 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TT. Vũng Liêm, H. Vũng Liêm, T. Vĩnh Long	0270. 397 1999	vungliem.vl@kienlongbank.com
85	CHI NHÁNH TRÀ VINH	Số 67 Lý Thường Kiệt, P. 3, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh	0294. 385 3999	travinh@kienlongbank.com
86	Phòng Giao dịch Duyên Hải	Căn nhà số 2, dãy 4, căn số 10, Khóm 1, P. 1, TX. Duyên Hải, T. Trà Vinh	0294. 383 3444	duyenhai.tv@kienlongbank.com
87	Phòng Giao dịch Tiểu Cần	Số 125A Quốc lộ 60 Khóm 2, TT. Tiểu Cần, H. Tiểu Cần, T. Trà Vinh	0294. 361 4555	tieucan.tv@kienlongbank.com
88	Phòng Giao dịch Càng Long	Số 268 Quốc lộ 53, Khóm 3, TT. Càng Long, H. Càng Long, T. Trà Vinh.	0294. 388 5777	canglong.tv@kienlongbank.com



MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH (TIẾP THEO)

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
89	CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP	Số 30 Lý Thường Kiệt, P. 1, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp	0277. 387 6401	dongthap@kienlongbank.com
90	Phòng Giao dịch Hồng Ngự	Số 38 - 40 Hùng Vương, P. An Thạnh, TP. Hồng Ngự, T. Đồng Tháp	0277. 356 3801	hongngu.dt@kienlongbank.com
91	Phòng Giao dịch Sa Đéc	Số A22 Hùng Vương, P. 2, TP. Sa Đéc, T. Đồng Tháp	0277. 377 5555	sadec.dt@kienlongbank.com
92	Phòng Giao dịch Tháp Mười	Số 16/D Nguyễn Văn Tre, Khóm 4, TT. Mỹ An, H. Tháp Mười, T. Đồng Tháp	0277. 361 5666	thapmuoi.dt@kienlongbank.com
93	CHI NHÁNH CẦN THƠ	Số 38 - 40 Đại Lộ Hòa Bình, P. An Cư, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0292. 381 7112	cantho@kienlongbank.com
94	Phòng Giao dịch Cái Răng	Số 161/38 Quốc lộ 1, P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	0292. 391 0993	cairang.ct@kienlongbank.com
95	Phòng Giao dịch Thốt Nốt	Số 477 tổ 24, KV. Phụng Thanh 1, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	0292. 361 2100	thotnot.ct@kienlongbank.com
96	Phòng Giao dịch Ô Môn	Số 969B/6, KV. 4, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ	0292. 366 5657	omon.ct@kienlongbank.com
97	Phòng Giao dịch Vĩnh Thạnh	Số 71 QL. 80, Ấp Vĩnh Quới, TT. Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ	0292. 364 1992	vinhthanh.ct@kienlongbank.com
98	Phòng Giao dịch Bình Thủy	Số 77 CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0292. 388 1841	binhthuy.ct@kienlongbank.com
99	CHI NHÁNH RẠCH GIÁ	Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 386 9950	rachgia@kienlongbank.com
100	Phòng Giao dịch Bến Nhứt	Ngã ba Bến Nhứt, X. Long Thạnh, H. Giồng Riềng, T. Kiên Giang	0297. 382 2690	bennhut.kg@kienlongbank.com
101	Phòng Giao dịch Số 02	Số 171, KP. Kinh B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 371 7273	kinhb.kg@kienlongbank.com
102	Phòng Giao dịch Số 03	Số 28 đường 30/4, TT. Giồng Riềng, H. Giồng Riềng, T. Kiên Giang	0297. 382 1476	gionгриeng.kg@kienlongbank.com
103	Phòng Giao dịch Số 04	Số 349 Quốc lộ 80, TT. Kiên Lương, H. Kiên Lương, T. Kiên Giang	0297. 385 6368	kienluong.kg@kienlongbank.com
104	Phòng Giao dịch Rạch Sỏi	Số 1A Cách mạng tháng 8, P. Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 391 2468	rachsoi.kg@kienlongbank.com
105	Phòng Giao dịch Kinh 8	Số 147, Ấp Đông Thành, X. Thạnh Đông A, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 0900	kinh8.kg@kienlongbank.com
106	Phòng Giao dịch Hà Tiên	Số 171 Mạc Thiên Tích, P. Bình San, TP. Hà Tiên, T. Kiên Giang	0297. 395 2810	hatien.kg@kienlongbank.com
107	Phòng Giao dịch Tân Hiệp	Số 29 KP. B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 372 7268	tanhiep.kg@kienlongbank.com
108	Phòng Giao dịch Vĩnh Thuận	Số 942 Vĩnh Phước 2, TT. Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận, T. Kiên Giang	0297. 358 0460	vinhthuan.kg@kienlongbank.com
109	Phòng Giao dịch An Biên	Số 135 QL. 63, Kp. 3, TT. Thứ 3, H. An Biên, T. Kiên Giang	0297. 351 0858	anbien.kg@kienlongbank.com
110	Phòng Giao dịch Gò Quao	Số 65, đường 3/2, KP. Phước Trung 2, TT. Gò Quao, H. Gò Quao, T. Kiên Giang	0297. 366 0977	goquao.kg@kienlongbank.com
111	Phòng Giao dịch Hòn Đất	Số 32 Tổ 8, KP. Tri Tôn, TT. Hòn Đất, H. Hòn Đất, T. Kiên Giang	0297. 378 6898	hondat.kg@kienlongbank.com
112	Phòng Giao dịch Tân Thành	Số 358 Ấp Tân Tiến, X. Tân Thành, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 7148	tanthanh.kg@kienlongbank.com
113	Phòng Giao dịch An Minh	Khu phố 3, TT. Thứ 11, H. An Minh, T. Kiên Giang	0297. 394 5599	anminh.kg@kienlongbank.com
114	CHI NHÁNH PHÚ QUỐC	Số 139 đường 30/4, KP. 1, P. Dương Đông, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang	0297. 384 8621	phuquoc@kienlongbank.com
115	Phòng Giao dịch An Thới	Số 109 Nguyễn Văn Cừ, KP. 3, P. An Thới, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang	0297. 399 9993	anthoi.kg@kienlongbank.com
116	CHI NHÁNH AN GIANG	Số Lô 21, 22A2 Lý Thái Tổ, K.3, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, T. An Giang	0296. 394 0945	angiang@kienlongbank.com
117	Phòng Giao dịch Châu Đốc	Số 26 Phan Văn Vãng, Khóm Châu Quới 3, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc, T. An Giang	0296. 356 6338	chaudoc.ag@kienlongbank.com
118	Phòng Giao dịch Tân Châu	Số 30 Nguyễn Văn Linh, P. Long Thành, TX. Tân Châu, T. An Giang	0296. 359 6027	tanchau.ag@kienlongbank.com
119	Phòng Giao dịch Thoại Sơn	Số 311 Nguyễn Huệ, TT. Núi Sập, H. Thoại Sơn, T. An Giang	0296. 625 9149	thoaison.ag@kienlongbank.com
120	CHI NHÁNH HẬU GIANG	Số 44 đường 1/5, P.1, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang	0293. 358 2277	haugiang@kienlongbank.com
121	Phòng Giao dịch Long Mỹ	Số 44N Cách Mạng Tháng 8, KV. 2, P. Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0293. 351 1868	longmy.hg@kienlongbank.com
122	Phòng Giao dịch Phụng Hiệp	Số 639 Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú A, TT. Cái Tắc, H. Châu Thành A, T. Hậu Giang	0293. 393 6678	phungghiep.hg@kienlongbank.com
123	Phòng Giao dịch Ngã Bảy	Số 29 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Ngã Bảy, TP. Ngã Bảy, T. Hậu Giang	0293. 396 3678	ngabay.hg@kienlongbank.com
124	CHI NHÁNH SÓC TRĂNG	Số 193 - 197 Trần Hưng Đạo, P.3, TP. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng	0299. 364 5668	soctrang@kienlongbank.com
125	Phòng Giao dịch Vĩnh Châu	Số 45D Nguyễn Huệ, P. 1, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng	0299. 388 8688	vinhchau.st@kienlongbank.com
126	Phòng Giao dịch Thạnh Trị	Số 333 Quốc lộ 1A, TT. Phú Lộc, H. Thạnh Trị, T. Sóc Trăng	0299. 381 8838	thanhtri.st@kienlongbank.com
127	Phòng Giao dịch Trà Quýt	Số 123 ấp Trà Quýt A, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng	0299 3839 379	traquyt.st@kienlongbank.com
128	CHI NHÁNH BẠC LIÊU	Số 466 Trần Phú, Khóm 1, P. 7, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu	0291. 395 8860	baclieu@kienlongbank.com
129	Phòng Giao dịch Hộ Phòng	Số 164 ấp 02, TT. Hộ Phòng, H. Giá Rai, T. Bạc Liêu	0291. 367 2636	hophong.bl@kienlongbank.com
130	Phòng Giao dịch Hồng Dân	Khu nhà phố 6D, đường Nguyễn Thị Minh Khai, TTTM TT. Ngan Dừa, H. Hồng Dân, T. Bạc Liêu	0291. 356 0866	hongdan.bl@kienlongbank.com
131	Phòng Giao dịch Phước Long	Ấp Nội Ô, TT. Phước Long, H. Phước Long, T. Bạc Liêu	0291. 358 1626	phuoclong.bl@kienlongbank.com
132	CHI NHÁNH CÀ MAU	Số 26 -28 Phan Ngọc Hiển, P.4, TP. Cà Mau, T. Cà Mau	0290. 359 5999	camau@kienlongbank.com
133	Phòng Giao dịch Đầm Dơi	Số 04 Trần Văn Phú, Khóm 4, TT. Đầm Dơi, H. Đầm Dơi, T. Cà Mau	0290. 394 2999	damdoi.cm@kienlongbank.com
134	Phòng Giao dịch Năm Căn	Số 02 An Dương Vương, Khóm 2, TT. Năm Căn, H. Năm Căn, T. Cà Mau	0290. 387 8668	namcan.cm@kienlongbank.com



The logo for KienlongBank features the word "Kienlong" in orange and "Bank" in light blue, followed by a stylized orange and blue icon resembling a network or a cluster of nodes.

KienlongBank



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân,

TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

1900 6929 | www.kienlongbank.com